

NHÀ TÂY SƠN

Tên gọi **Tây Sơn** (chữ Hán: 西山朝 (Tây Sơn Triều)) được sử dụng theo nhiều cách để chỉ giai đoạn khởi nghĩa nông dân và thành lập vương triều Tây Sơn trong bối cảnh tranh chấp quyền lực cuối thời Hậu Lê trong lịch sử Việt Nam. Tên "Tây Sơn" được dùng để chỉ các nhà lãnh đạo cuộc khởi nghĩa (anh em nhà Tây Sơn) theo cách gọi của các đa số các sử gia, nhất là các sử gia hiện đại tại Việt Nam; Tây Sơn cũng được dùng làm tên cuộc chiến của Tây Sơn, cũng dùng để chỉ gọi triều đại của anh em nhà Tây Sơn. Riêng với triều đình nhà Nguyễn đối địch, Tây Sơn bị gọi là giặc phản loạn.

Bối cảnh lịch sử

Trong thế kỷ 18, nước Đại Việt nằm dưới quyền cai trị tượng trưng của vua Lê, có danh mà không có quyền hành chính trị. Quyền lực thực sự nằm trong tay hai gia đình phong kiến, các chúa Trịnh ở phía bắc, kiểm soát nhà vua và điều khiển triều đình ở Thăng Long và các chúa Nguyễn ở phía nam, đóng đô tại thành Phú Xuân. Hai bên từng đánh lẫn nhau để giành quyền kiểm soát toàn bộ đất nước trong suốt 45 năm và đều tuyên bố trung thành với nhà Lê để củng cố quyền lực cho mình.

Giống như Trung Quốc ở thời điểm đó, đời sống nông dân rất thấp kém. Đa số ruộng đất theo thời gian rơi vào tay số ít người. Quan lại thường áp bức và tham nhũng; các vị chúa cai trị sống hoang phí trong những cung điện lớn.

Cuộc chiến Trịnh Nguyễn phân tranh kết thúc năm 1672 và cuộc sống của những người nông dân ở phía bắc của các chúa Trịnh khá yên bình. Trong khi đó ở phía nam, các chúa Nguyễn thường gây chiến với Đế chế Khmer yếu ớt ở bên cạnh và sau đó là với cả một nước khá mạnh là nước Xiêm. Các chúa Nguyễn thường thắng trận và mở mang thêm đất đai phía nam.

Từ giữa thế kỷ 18, người nông dân bị bóc lột nặng nề và họ đã đứng lên khởi nghĩa cả ở Đàng Ngoài lẫn Đàng Trong. So với Đàng Trong, phong trào nông dân Đàng Ngoài mạnh mẽ hơn. Tuy nhiên, các cuộc khởi nghĩa quận He, quận Hẻo, chàng Lía, Hoàng Công Chất... ở Đàng Ngoài và Đàng Trong nhìn chung đều chưa đủ quy mô, sức mạnh và sự liên kết cần thiết để đánh đổ chính quyền cai trị. Mặt khác, những người cầm quyền lúc đó như Trịnh Doanh ở Đàng Ngoài và Nguyễn Phúc Khoát ở Đàng Trong có đủ tài năng, uy tín để huy động lực lượng trấn áp các cuộc khởi nghĩa.

Phát tích



Bia mộ tổ Tây Sơn Tam Kiệt được tìm thấy tại thôn Phú Lạc, xã Bình Thành, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định. Cổ vật đang được trưng bày trong Bảo tàng Quang Trung (Bình Định).

Ba anh em Tây Sơn, Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ, được gọi là "Tây Sơn tam kiệt". Các nguồn tài liệu về thân thế Nguyễn Huệ và anh em Tây Sơn chưa hoàn toàn thống nhất.

Các sách *Đại Việt sử ký tục biên*, Hoàng Lê nhất thống chí, *Đại Nam thực lục tiền biên*, *Đại Nam chính biên liệt truyện*, Khâm định Việt sử Thông giám Cương mục đều ghi các thủ lĩnh Tây Sơn là họ Nguyễn, nhưng không nói tổ tiên là họ gì. Tổ tiên nhà Tây Sơn vốn họ Hồ ở làng Hương Cái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Họ theo chân chúa Nguyễn vào lập nghiệp miền Nam khi chúa Nguyễn vượt Lũy Thầy đánh ra đất Lê - Trịnh tới Nghệ An (1655). Ông cố của Nguyễn Huệ tên là Hồ Phi Long (vào giúp việc cho nhà họ Đinh ở thôn Bằng Chân, huyện Tuy Viễn, tức An Nhơn) cưới vợ họ Đinh và sinh được một trai tên là Hồ Phi Tiễn. Hồ Phi Tiễn không theo việc nông mà bỏ đi buôn trầu ở ấp Tây Sơn, cưới vợ và định cư tại đó. Vợ của Hồ Phi Tiễn là Nguyễn Thị Đồng, con gái duy nhất của một phú thương đất Phú Lạc, do đó họ đổi họ của con cái mình từ họ Hồ sang họ Nguyễn của mẹ. Người con là Nguyễn Phi Phúc cũng chuyên nghề buôn trầu và làm ăn phát đạt. Cũng có tài liệu cho rằng họ Hồ đã đổi theo họ chúa Nguyễn ngay từ khi mới vào Nam^{[1][2][3]}.

Nguyễn Phi Phúc có 8 người con, trong đó có ba người con trai: Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ. Về thứ tự của Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ trong các anh em, các nguồn tài liệu ghi không thống nhất^[4]:

- Các sách *Đại Nam thực lục chính biên*, *Đại Nam chính biên liệt truyện*, *Tây Sơn thủy mạt khảo* đều thống nhất ngôi thứ trong ba anh em Tây Sơn đã khẳng định rằng: "Con trưởng là Nhạc, kế là Lữ, kế nữa là Huệ".
- Theo thư từ của các giáo sĩ phương Tây hoạt động ở Đại Việt khi đó như Labartette, Eyet và Varen thì Nguyễn Huệ là em của Nguyễn Lữ. Nguyễn Lữ được gọi là Đức Ông Bảy còn Nguyễn Huệ là Đức Ông Tám.
- Lê Trọng Hàm trong sách *Minh đô sử* lại cho rằng Hồ Phi Phúc sinh "Nhạc, Lữ đến hai cô con gái rồi đến Huệ".
- Dân phủ Quy Nhơn xưa truyền lại rằng: Nguyễn Nhạc thuở đi buôn trầu nên gọi anh Hai Trầu; Nguyễn Huệ còn có tên là Thơm nên gọi là chú **Ba Thơm**; Nguyễn Lữ gọi là thầy Tư Lữ vì có thuở Nguyễn Lữ đi tu theo đạo Hồi Bani (*Islam Bani*) một hệ tôn giáo của người Chăm cổ.

Theo một tài liệu mới công bố tại Hội thảo về Tây Sơn, gia đình Nguyễn Nhạc có ít nhất 4 anh em trai, anh đầu là Nguyễn Quang Hoa. Quang Hoa có thể do bị chết sớm hoặc vì lý do nào đó không tham gia lãnh đạo phong trào Tây Sơn, nên không được sử sách ghi lại^[5].

Lớn lên, ba anh em được đưa đến thụ giáo cả văn lẫn võ với thầy Trương Văn Hiến. Chính người thầy này đã phát hiện được khả năng khác thường của Nguyễn Huệ và khuyên ba anh em khởi nghĩa để xây dựng đại nghiệp. Tương truyền câu sấm: "Tây khởi nghĩa, Bắc thu công" là của ông^[6].

Trong những năm đầu tiên, Nguyễn Nhạc đóng vai trò quan trọng nhất. Tương truyền trước khi nổi dậy ông từng đi buôn trầu nên được gọi là Hai Trầu. Sử nhà Nguyễn chép rằng ông được chúa Nguyễn giao cho việc thu thuế trong vùng nhưng mang tiền thu thuế đánh bạc mất hết, cùng quần phải nổi dậy. Theo ý kiến của

PGS Nguyễn Phan Quang trong sách *Phong trào nông dân Tây Sơn* (2003), tình tiết này thực chất là dụng ý nói xấu người "phản loạn" của nhà Nguyễn sau khi họ đã thắng trận.

Lật đổ chúa Nguyễn

Chính sự họ Nguyễn

Sau khi Vũ Vương Nguyễn Phúc Khoát chết, chính quyền họ Nguyễn rơi vào tay quyền thần Trương Phúc Loan. Loan thao túng triều chính, tự xưng là "Quốc phó", giết Nguyễn Phúc Luân (cha Nguyễn Phúc Ánh) và lập Nguyễn Phúc Thuần, lúc đó mới 12 tuổi lên ngôi, tức là Định vương.

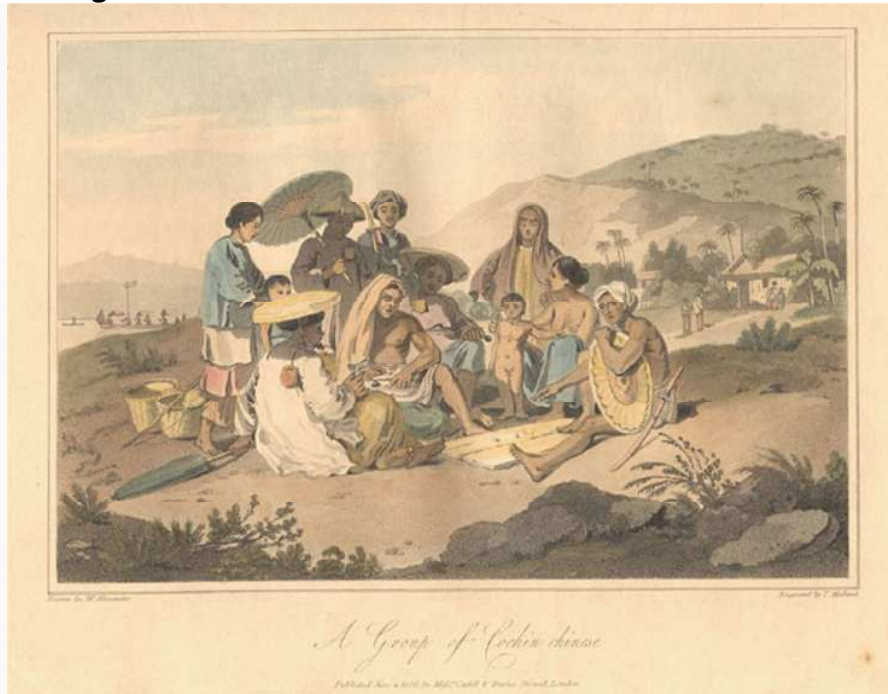
Năm 1769, vị vua mới của nước Xiêm là P'ya Taksin tức Trịnh Quốc Anh tung ra một cuộc chiến nhằm tìm cách lấy lại quyền kiểm soát nước Chân Lạp (Campuchia) vốn chịu nhiều ảnh hưởng của chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn buộc phải lùi bước khỏi những vùng đất mới chiếm.

Chính sự họ Nguyễn ngay từ thời Nguyễn Phúc Khoát đã gây những ảnh hưởng tiêu cực cho dân chúng. Hệ thống thuế khóa phức tạp, công kênh, nặng nề, quan dưới lạm thu khiến dân phải nộp nhiều hơn quy định^[7]. Thuế thổ sản có tới hàng ngàn thứ, tính cả những sản vật nhỏ nhặt^[8]. Năm 1741, Phúc Khoát ra lệnh truy thu thuế của cả những người bỏ trốn. Tới năm 1765 lại có lệnh truy thu thuế còn thiếu của 10 năm trước^[9]

Sang thời Trương Phúc Loan nắm quyền, dân Đàng Trong càng bị bóc lột nặng nề hơn. Loan nổi tiếng là tham lam, vợ vét của công, mua quýt của các thương nhân nước ngoài. Có đợt sau trận lụt, nhà Loan bày vàng ra phơi "sáng chói" cả sân^[10].

Thất bại trước những cuộc đụng độ với Xiêm La cộng với sưu thuế nặng nề cùng tình trạng tham nhũng tại địa phương khiến cho chính quyền họ Nguyễn đã yếu càng yếu thêm. Đó chính là thời cơ để ba anh em Tây Sơn bắt đầu khởi nghĩa chống lại chúa Nguyễn.

Tây Sơn khởi nghĩa



Một nhóm người Đàng Trong tại Tourane tức Đà Nẵng thời Tây Sơn-Tranh của họa sĩ người Anh William Alexander

Khởi phát từ ấp Tây Sơn, ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ, Nguyễn Huệ tập hợp lực lượng, ban đầu chủ yếu là người Thượng, đứng lên khởi nghĩa. Lấy danh nghĩa chống lại Quốc phó Trương Phúc Loan, ủng hộ hoàng tôn Nguyễn Phúc Dương là cháu đích tôn của Vũ vương Nguyễn Phúc Khoát, Nguyễn Nhạc phát cờ nổi dậy năm 1771. Bởi Tây Sơn mang danh nghĩa ủng hộ hoàng tôn Dương và khi đánh trận thường la ó ầm ĩ nên dân gian có câu:

*"Bình triều là bình Quốc phó
Bình ó là bình Hoàng tôn"*

Tây Sơn có được sự ủng hộ rất lớn của dân chúng, không chỉ những người nông dân nghèo mà cả một số sắc dân thiểu số và lực lượng người Hoa như hai đạo quân của Lý Tài, Tập Đình. Lực lượng Tây Sơn không những đánh đâu thắng đó mà còn nổi tiếng vì bình đẳng, bình quyền, không tham ô của dân và lấy của người giàu chia cho người nghèo. Điều đó được các giáo sĩ Tây Ban Nha, điển hình là Diego de Jumilla ghi lại, sách *Les Espagnols dans l'Empire d'Annam* trích dẫn như sau:

"Ban ngày họ xuống các chợ, kẻ đeo gươm, người mang cung tên, có người mang súng. Họ không hề làm thiệt hại đến người và của. Trái lại họ tỏ ra muốn bình đẳng giữa mọi người Đàng Trong; họ vào nhà giàu, nếu đem nộp họ ít nhiều thì họ không gây tổn hại, nhưng nếu chống cự lại thì họ cướp lấy những của quý đem chia cho người nghèo; họ chỉ giữ gạo và lương thực cho họ mà thôi... Người ta gọi họ là bọn cướp đạo đức và nhân từ đối với quần chúng nghèo khổ..."^[11].

Sau khi đứng vững ở địa bàn ấp Tây Sơn, năm sau, cuộc khởi nghĩa lan rộng và nghĩa quân đã thắng một số trận chống lại quân chúa Nguyễn được phái tới trấn áp cuộc khởi nghĩa.

Năm 1773 quân Tây Sơn dùng mưu đánh chiếm được thành Quy Nhơn. Tương truyền Nguyễn Nhạc tự ngồi vào cũi cho quân lính của mình khiêng đến trá hàng, nộp quân họ Nguyễn. Nửa đêm, ông phá cũi, cùng quân trá hàng làm nội ứng và quân bên ngoài tới phối hợp đánh chiếm thành. Thành này là nơi các nhà buôn, vì đã phải chịu nhiều luật lệ ngăn cấm do triều đình họ Nguyễn đưa ra, đã quay sang ủng hộ tài chính cho Tây Sơn.

Sau khi hạ thành Quy Nhơn, quân Tây Sơn nhanh chóng đánh xuống phía nam, kiểm soát vùng đất từ Quảng Ngãi đến Bình Thuận.

Quân Trịnh tham chiến

Họ Nguyễn, khi cuối cùng đã nhận ra sự nguy hiểm của cuộc khởi nghĩa, đã ký hòa ước với người Xiêm, từ bỏ một số vùng họ đã chiếm được trong những thập kỷ trước đó. Tuy nhiên không vì thế mà họ Nguyễn được rảnh tay đánh Tây Sơn. Tháng 10 năm 1774, chúa Trịnh Sâm, sau 100 năm giữ hòa bình với chúa Nguyễn, sai Quận Việp Hoàng Ngũ Phúc, một viên tướng lão luyện, mang 4 vạn quân vào nam tấn công Phú Xuân (Huế), cũng lấy danh nghĩa trừng phạt Trương Phúc Loan. Mặc dù chúa Nguyễn Phúc Thuần buộc phải trối Loan nộp cho Hoàng Ngũ Phúc nhưng rồi quân Trịnh vẫn tiến. Quân Nguyễn không chống nổi, quân Trịnh chiếm thành Phú Xuân, buộc họ Nguyễn phải bỏ chạy về Quảng Nam. Nhưng tại đây chúa Nguyễn lại bị Tây Sơn đánh ra uy hiếp, bắt được hoàng tôn Dương. Chúa Nguyễn cùng thế phải vượt biển trốn vào Gia Định (tức Sài Gòn). Hoàng tôn Dương sau đó cũng dùng kế trốn thoát theo chúa Nguyễn.

Quân Trịnh tiếp tục đi về phía nam vượt đèo Hải Vân và đụng độ với quân Tây Sơn ở Quảng Nam. Quân Tây Sơn thua trận. Trước tình thế "lưỡng đầu thọ địch", Nguyễn Nhạc xin giảng hòa với quân Trịnh, trên danh nghĩa đầu hàng nhà Lê, xin làm tiên phong đi đánh chúa Nguyễn ở Gia Định. Chúa Trịnh bằng lòng và phong chức cho Nguyễn Nhạc.

Tiến đánh Gia Định

Tạm yên mặt bắc, Tây Sơn tập trung lực lượng tiếp tục việc chinh phục phía nam. Trong gần 10 năm (từ 1776 đến 1783) quân Tây Sơn nhiều lần vào đánh chiếm Gia Định. Năm 1777, dưới sự chỉ huy của Nguyễn Huệ, quân Tây Sơn bắt được cả Định vương Thuần lẫn Hoàng tôn Dương đem xử tử. Một cháu trai là Nguyễn Ánh, con của Nguyễn Phúc Luân, lúc đó 15 tuổi, chạy thoát ra đảo Thổ Chu.

Mỗi năm cứ đến mùa gió thuận thì binh Tây Sơn trẩy thuyền vào Nam ruộng kiếm, quyết tận diệt dòng Nguyễn Phúc^[12].

Tuy nhiên, lần nào cũng vậy, sau khi chiếm được Gia Định, chủ tướng (Nguyễn Lữ hoặc Nguyễn Huệ) và quân chủ lực của Tây Sơn rút về giao lại cho một bộ tướng coi giữ, chỉ một thời gian sau lực lượng họ Nguyễn lại tụ tập và nhanh chóng chiếm lại vùng Nam Bộ. Nguyễn Ánh được tướng Đỗ Thanh Nhân (Nhơn) đón và lập làm chúa Nguyễn mới (1778). Ánh tụ tập lại lực lượng trung thành, khởi binh từ đất Long Xuyên, đánh đuổi quân trấn thủ Tây Sơn tại Gia Định, lấy lại thành Sài Côn. Bấy giờ Nguyễn Ánh mới được các tướng tôn làm Đại nguyên súy, Nhiếp quốc chính. Năm 1780, Nguyễn Ánh xưng vương.

Quân Tây Sơn nhiều lần đánh vào nam và truy sát nhưng nhờ may mắn, Ánh đều trốn thoát, có lần phải lênh đênh ngoài biển dưới bão mấy ngày.

Đến năm 1783, sau khi Nguyễn Huệ ra quân lần thứ tư, quân Nguyễn thua to, quân Nguyễn Ánh bị đánh bật khỏi nước Đại Việt. Nguyễn Ánh bỏ chạy, trốn thoát sang Xiêm.



Triều đường chi ấn của nhà Tây Sơn

Khi cơ bản chinh phục được họ Nguyễn, tăng cường sức mạnh và uy thế, năm 1778, sau khi giết được Nguyễn Phúc Thuần và Nguyễn Phúc Dương, Nguyễn Nhạc tự xưng làm vua, lập triều đại Tây Sơn, đặt niên hiệu là Thái Đức, đóng đô tại thành Quy Nhơn (thành Đồ Bàn cũ của nước Chiêm Thành), đổi tên thành Hoàng đế

thành, phong cho Nguyễn Lữ làm Tiết chế, Nguyễn Huệ là Long Nhương tướng quân, không ràng buộc với chúa Trịnh nữa.

Tàn phá Nam Bộ

Sử sách nhà Nguyễn đối địch với nhà Tây Sơn ghi lại việc tàn phá vùng Nam Bộ của Tây Sơn trong những cuộc chinh chiến. Sách *Lịch sử Gia Định-Sài Gòn trước 1802* dẫn lại từ *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức, 1 viên quan của nhà Nguyễn năm 1820, 38 năm sau cuộc tàn sát người Hoa ở Gia Định của quân Tây Sơn^[13] ghi lại việc quân Tây Sơn làm trong những lần nam tiến:

"Năm 1776 khi mới tiến vào Gia Định thì quân Tây Sơn đã tàn phá Cù lao Phố, một vùng thương mại sầm uất bậc nhất xứ Đàng Trong. Họ dỡ phòng ốc gạch, ngói đem hết về Quy Nhơn khiến dân cư bỏ chạy lưu tán khắp nơi. Năm 1778 khi chúa Nguyễn đã giành lại được Cù lao Phố thì kiểm điểm lại, dân cư còn chưa tới 1% lúc trước"^[14].

"Từ Bến Nghé tới Sài Gòn xác chết ngổn ngang, vớt cả xuống sông, nước không chảy được, hai ba tháng sau dân cũng không dám ăn tôm, cá... mọi người đều khổ sở".

Đánh bại liên quân Xiêm - Nguyễn

Trong thời gian còn chống trả Tây Sơn tại Nam Bộ, Nguyễn Ánh nhiều lần thông qua giám mục Pigneau de Béhaine (hay Bá Đa Lộc) để cầu viện người Pháp nhưng không thu được nhiều kết quả. Do đó Ánh có ý chuyển sang cầu viện ở Xiêm La.

Tháng 2 năm Giáp Thìn (1784), Nguyễn Ánh từ Hà Tiên sang Xiêm La hội kiến với vua Xiêm La là Chakti (Chakri, Rama I) tại Vọng Các (Bangkok). Theo quan điểm của các tác giả Việt Nam hiện đại là Nguyễn Lương Bích và Phạm Ngọc Phụng thì đây là lần "công rắn cắn gà nhà" đầu tiên của Nguyễn Ánh^[15].

Vua Xiêm sai hai tướng là Chiêu Tăng, Chiêu Sương đem 2 vạn quân thủy cùng 300 chiến thuyền. Ngoài ra còn có 3 vạn quân bộ tiến sang Chân Lạp với danh nghĩa giúp vua Chân Lạp, thực chất với ý đồ tạo gọng kìm phía Tây, chờ cơ hội tiêu diệt quân Tây Sơn.

Quân Xiêm nhanh chóng lấy được Rạch Giá, Ba Thắc, Trà Ôn, Mân Thít, Sa Đéc. Tuy nhiên, do ý thế đi đến đâu quấy nhiễu dân sự, làm nhiều điều tàn ác, cho nên bị dân chúng oán hận, ngay cả chúa Nguyễn Ánh cũng phải nói trong 1 bức thư gởi cho linh mục J. Liot: "*Nay thì Xiêm binh đại tử lỗ lược, dân nhơn phụ nữ, lược nhơn tài vật, tưng sát bất dung lão thiếu. Vậy nên Tây tặc binh thế nhứt thanh, Xiêm binh thế nhứt suy. Có ấy qua tháng chạp, mừng tám vừa thất lợi, các giai hội tảo*"...^[16].

Tướng Tây Sơn giữ đất Gia Định là phò mã Trương Văn Đa, thấy quân Xiêm thế lực mạnh, bèn cố thủ tại Gia Định và sai người về Quy Nhơn báo. Vua Tây Sơn sai Long Nhương tướng quân Nguyễn Huệ đem quân vào đánh.

Trận Rạch Gầm - Xoài Mút

Trận Rạch Gầm-Xoài Mút là một trận chiến lớn trên sông diễn ra vào đêm 19 rạng 20 tháng 1 năm 1785 giữa liên quân Xiêm-Nguyễn và quân Tây Sơn tại khúc sông Rạch Gầm-Xoài Mút, khi đó thuộc dinh Trấn Định, xứ Đàng Trong; nay thuộc Tiền Giang, Việt Nam.

Nguyên nhân

Năm 1771, ba anh em Tây Sơn là Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ làm cuộc khởi nghĩa. Sau khi hai chúa Nguyễn (Nguyễn Phúc Thuần & Nguyễn Phúc

Dương) bị giết năm 1777, chúa mới là Nguyễn Ánh, dù bị đánh thua nhiều lần, vẫn cố tập hợp lại lực lượng để khôi phục.

Tháng 2 năm Quý Mão (1783), vua nhà Tây Sơn là Nguyễn Nhạc sai hai em là Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ mang quân vào Nam. Tướng Nguyễn là Châu Văn Tiếp dùng hỏa công chống ngăn nhưng không được. Thua trận, chúa Nguyễn Ánh phải chạy xuống Ba Giồng (Định Tường), còn Châu Văn Tiếp phải men theo đường núi qua Cao Miên rồi qua Xiêm cầu viện.

Nước Xiêm lúc bấy giờ ở dưới triều vua Chạt Tri đương lúc thịnh vượng và đang nuôi tham vọng chiếm lấy Cao Miên và Gia Định để mở rộng bờ cõi. Khi nghe Châu Văn Tiếp - một bề tôi thân tín của chúa Nguyễn - đến cầu cứu, vua Xiêm liền đồng ý.

Được hứa hẹn, Châu Văn Tiếp gửi ngay mật thư báo tin cho chúa Nguyễn. Sau khi hội đàm với tướng Xiêm tên là Thát Xi Đa tại Cà Mau, vào tháng 3 năm Giáp Thìn (1784), chúa Nguyễn qua đến thành Vọng Các hội kiến với vua Xiêm. Được tiếp đãi và giúp đỡ, chúa Nguyễn tổ chức lại lực lượng.

Lực lượng

Liên quân Xiêm-Nguyễn

Theo hầu hết các tài liệu sử Việt thì sau khi nhận lời giúp Nguyễn Ánh, tháng 4 năm 1784, vua Xiêm phái hai tướng Lục Côn và Sa Uyên cùng với Chiêu Thùy Biện (hay Bèn, Bện) là một cự thần Chân Lạp thân Xiêm, đem hai đạo bộ binh tiến sang Chân Lạp để từ đó, mở một mũi tiến công đánh phối hợp. Theo GS. Nguyễn Khắc Thuần thì đạo bộ binh này gồm khoảng 3 vạn quân bộ^[2].

Ngày 25 tháng 7 cùng năm, vua Xiêm sai cháu là Chiêu Tăng làm chủ tướng và Chiêu Sương^[3], làm tướng tiên phong, thống lĩnh 2 vạn quân thủy và 300 chiến thuyền, từ Vọng Các vượt vịnh Xiêm La, qua ngả Kiên Giang sang giúp.

Ngoài ra, chúa Nguyễn Ánh cũng tập hợp được một số quân khoảng 3, 4 ngàn người^[4] cho Chu Văn Tiếp chỉ huy với chức Bình Tây đại đô đốc và Mạc Tử Sanh (hay Sinh) làm tham tướng dẫn đường.

Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Duy Chính, trích dẫn tài liệu lịch sử Xiêm La thì:

"... Vào tháng 5 [lịch Xiêm, khoảng tháng 3 DL] của năm Thìn [Giáp Thìn 1785] nhà vua sai cháu là Chaofa Kromluang Thepharirak^[5] chỉ huy một đội chiến thuyền và 5.000 quân, với lệnh là tấn công và tái chiếm – không được thất bại – lãnh thổ Saigon cho Ong Chiang Su [chúa Nguyễn]. Nhà vua cũng cho phép đích thân Ong Chiang Su đi theo với đoàn quân. Một toán quân đường bộ do Phraya Wichinarong chỉ huy được lệnh tiến theo đường Cam Bốt và điều động thêm một đoàn quân Cao Miên. Chaophraya Aphaiphubet tuyển thêm một lực lượng 5.000 quân Cam Bốt để đi cùng quân Thái. ^[6]"

Như vậy, lực lượng bản bộ của quân Xiêm ít nhất cũng hơn một vạn người bao gồm 5.000 đi theo đường thủy và trên dưới 1 vạn đi theo đường bộ. Lực lượng đó thường xuyên được tăng viện bởi quân Việt (cánh quân thủy) và quân Chân Lạp (cánh quân bộ). Cánh quân bộ do Phraya Wichinarong chỉ huy, được tăng viện bởi quân Chân Lạp gồm 5.000 quân của Chaophraya Aphaiphubet (sử Việt chép là Chiêu Thùy Biện) và 2 cánh quân của Phraya Rachasetthi và Phraya Thatsada không rõ quân số. Cánh quân thủy do Chaofa Kromluang Thepharirak chỉ huy, được tăng viện bởi quân bản bộ của chúa Nguyễn đi từ Xiêm La về cộng với các cánh quân khác nằm sẵn trong nước.

Ước tính lực lượng liên quân Xiêm - Nguyễn - Chân Lạp có quân số khoảng hơn 2 vạn^[7]. Con số này khá phù hợp với các tài liệu sử chính thức của triều Nguyễn.

Quân Tây Sơn

Theo sách *Mạc Thị gia phả* của Vũ Thế Dinh^[8] (cai đội quân Nguyễn), thì riêng thủy quân của Nguyễn Huệ đã là 5 vạn. Tuy nhiên, nhóm tác giả sách *Một số trận quyết chiến chiến lược* thì cho rằng đó là con số thổi phồng để giảm bớt sự thất bại nhục nhã của quân mình. Xét Lực lượng và tình hình quân Tây Sơn lúc đó (kể cả quân đồn trú của Trương Văn Đa) chỉ lên đến khoảng 2 vạn là cùng. Nhưng về trang bị vũ khí, nhất là súng đại bác, quân Tây Sơn không hề thua kém quân Xiêm^[9].

Diễn biến

Trước trận chính



Thuyền Đại Hiệu, một loại thuyền chiến cỡ lớn có trang bị hỏa lực mạnh mà thủy quân Tây Sơn đã sử dụng trong trận đánh (mô hình)

Tháng 7 năm 1784, thủy quân Xiêm đổ bộ lên đánh lấy Rạch Giá (thuộc đạo Kiên Giang), tiến đánh quân Tây Sơn của Đô đốc Nguyễn Hóa ở Trần Giang (Cần Thơ), tiến chiếm các miền Ba Thắc (Srok Pra-sak), Trà Ôn, Sa Đéc, Mân Thít (hay Mang thít, Man Thiết) rồi chia quân đóng giữ. Tướng Tây Sơn là Trương Văn Đa liền đem quân thủy từ Gia Định tiến xuống Long Hồ (Vĩnh Long) để cản ngăn.

Ngày 30 tháng 11 năm 1784, Đại đô đốc Chu Văn Tiếp, vì thông thạo địa hình dẫn quân đi trước. Ông cho quân vào sông Mân Thít, thì bị Tiên quân Chương cơ Tây Sơn tên là Bảo (Chương tiên Bảo) đưa quân ra vây đánh và giết chết.

Mất đại tướng, chúa Nguyễn Ánh liền cho quân đánh gấp vào cứu viện, chém chết Chương tiên Bảo cùng nhiều quân Tây Sơn. Xét thấy quân ít, không chống chọi được, phò mã nhà Tây Sơn là Trương Văn Đa cho quân lui về giữ Long Hồ.

Chu Văn Tiếp tử trận, Lê Văn Quân được cử lên thay, liền cho quân tiến đánh lũy Ba Lai (Bến Tre) và Trà Tân (Định Tường). Trong trận Ba Lai, Chương cơ quân Nguyễn là Đặng Văn Lượng bị tướng Tây Sơn là Nguyễn Văn Kim chém chết, tướng Quân cũng bị Lê Văn Kế chém trọng thương. Kể từ đó, bộ chỉ huy liên quân cho quân đóng dọc theo sông Tiền, từ cù lao Năm Thôn trở lên hướng Mỹ Tho và đặt đại bản doanh tại Trà Tân^[10].

“Phraya Wichinarong đưa đạo quân Thái – Cam Bốt tấn công vào Piamchopsadaek [Sa Đéc]. Tại một địa điểm có tên là Phraek Phrayaman [Nha Môn], họ đụng độ và đánh với quân Tây Sơn vài trận. Quân Việt chống không nổi phải rút lui. Phraya Wichinarong liền tiến lên về phía Piambarai [Ba Lai] và tấn công vào những vị trí đóng quân tại huyện Ban Payung [Ba Giồng].

Cháu của vua là Chaofa Kromluang Thepharirak, cùng với các tướng lãnh cao cấp cùng Ong Chiang Su từ biệt nhà vua và đưa chiến thuyền đi ra thẳng tiến theo hướng biển đến Banteay Meas [Mang Khảm, tức Hà Tiên]. Quân tại Banteay Meas dưới quyền của Phraya Rachasetthi và Phraya Thatsada được điều động để tăng viện. Liên quân tiến vào sông Bassac [Ba Thắc, tức Sông Hậu] và dừng lại tại rạch Wamano [có lẽ là Trà Tân].^[6]”

Cuối năm 1784, Trương Văn Đa sai Đô úy Đặng Văn Trấn về Quy Nhơn báo rõ tình hình nguy cấp ở phía Nam, vua Thái Đức (Nguyễn Nhạc) liền cử Nguyễn Huệ làm tổng chỉ huy đem đại binh vào chống ngăn^[11] Tây Sơn. Khoảng đầu năm Giáp Thìn (tháng 1 năm 1785), thì binh thuyền Tây Sơn vào đến nơi và đóng ở Mỹ Tho. Sau đó, tướng Nguyễn Huệ cử một ít quân mở những cuộc tập kích nhỏ để thăm dò.

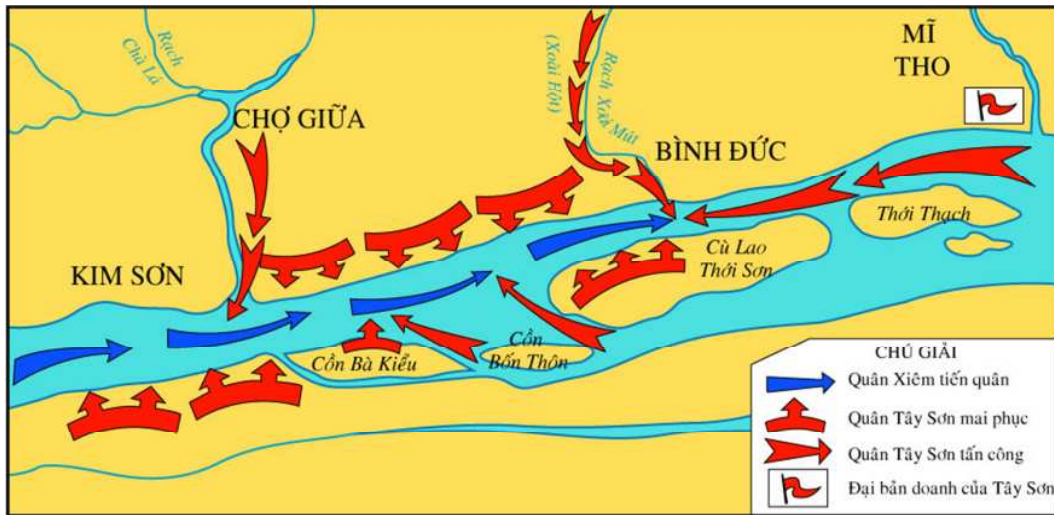
Biết quân Xiêm tham tàn, Nguyễn Huệ cho người đưa tiền của sang mua chuộc, bàn việc giảng hòa, cốt làm cho tướng Xiêm chủ quan và làm tăng thêm mối hoài nghi của chúa Nguyễn đối với quân Xiêm^[12].

Ngoài mối nghi ngờ trên, càng ở gần nhau thì mâu thuẫn giữa quân Nguyễn, quân Xiêm và nhân dân Việt càng trở nên sâu sắc. Quân Xiêm cậy mình là kẻ cứu giúp nên đàn áp, cướp bóc nhân dân, khinh mạn cả chúa Nguyễn và quân Nguyễn^[13]. Bởi vậy, trong thư đề ngày 25 tháng 1 năm 1785, chúa Nguyễn Ánh đã than phiền với giáo sĩ J. Liot rằng:

Nay thì Xiêm binh tự do cướp giết, cưỡng hiếp phụ nữ, cướp bóc tài sản, giết bừa không tha già trẻ. Vậy nên, "giặc" Tây Sơn ngày một mạnh, thế quân Xiêm ngày một suy^[14].

Nhờ kế mưu đó, mà Nguyễn Huệ có đủ thời gian để nghiên cứu địa hình và bố trí một trận quyết chiến.

Trận chính



So sánh lực lượng, biết không thể nào đánh thẳng vào Sa Đéc hay Trà Tân được, Nguyễn Huệ liền đi xem xét địa hình, thăm dò lòng dân ở đây và tìm hiểu điểm mạnh, yếu của đối phương. Cuối cùng, ông quyết định chọn khúc sông Mỹ Tho từ Rạch Gầm đến Xoài Mút^[15], cách Mỹ Tho khoảng 12 km, làm trận địa quyết chiến.

Sau khi bí mật cho quân và tàu chiến ẩn náu ở các nơi hiểm yếu, Nguyễn Huệ lệnh cho quân đến khiêu khích. Lập tức, Chiêu Tăng giao Sa Uyển ở lại giữ đại bản doanh, cử Lục Cồn dẫn bộ binh men theo tả ngạn sông Tiền để cùng phối hợp; còn ông cùng với tướng tiên phong là Chiêu Sương, dẫn hàng trăm thuyền chiến tiến xuống Mỹ Tho, nơi đặt đại bản doanh của Tây Sơn.

Đêm ngày 18 tháng 1 năm 1785 (ngày 8 tháng chạp năm Giáp Thìn), lợi dụng con nước đang xuôi, cả hai đạo thủy bộ quân Xiêm cùng rầm rộ tấn công.

Đến khoảng đầu canh năm ngày 19 tháng 1 năm 1785, đoàn thuyền chiến của địch lọt vào trận địa mai phục của quân Tây Sơn ở Rạch Gầm-Xoài Mút, tức thì pháo lệnh tấn công của Tây Sơn nổ vang. Từ hai bờ sông Tiền (đoạn Rạch Gầm-Xoài Mút) và dọc bờ cù lao Thới Sơn, bãi Tôn, cồn Bà Kiệu, Rừng Dừa,...các đại bác cùng pháo hỏa hổ của bộ binh Tây Sơn bắn ra uy hiếp dữ dội.

Đồng loạt, đoàn thuyền Tây Sơn từ rạch Xoài Mút, Rạch Gầm, từ trong những nhánh rạch nhỏ chảy quanh các cồn bãi, nhanh chóng kéo ra chặn đánh đầu. Một đoàn thuyền Tây Sơn khác ẩn náu sau cù lao Thới Sơn, xông ra đánh mạnh vào hông (nhằm chia cắt đội hình) và đánh chặn đường lui, dồn đoàn thuyền của đối phương vào thế tiến thoái lưỡng nan. Cùng lúc ấy, quân Tây Sơn, cho những thuyền nhẹ chở đầy những vật liệu dễ cháy đâm thẳng vào những chiến thuyền đang rối loạn làm cho số bị chìm, số bị cháy...

Trời vừa rạng sáng, thì chiến cuộc cũng vừa dứt. Kết quả là 300 chiến thuyền và 2 vạn thủy binh của Xiêm cùng một số quân của chúa Nguyễn, không đầy một ngày, đã bị quân Tây Sơn phá tan. Hai tướng Chiêu Tăng, Chiêu Sương chạy trốn về Sa Đéc, bị truy kích, lại hồi hã cùng Sa Uyển dẫn vài nghìn tàn quân chạy bộ sang Chân Lạp rồi về Xiêm^[16].

Riêng chúa Nguyễn Ánh vừa thấy "thế giặc mãnh liệt, không thể chống nổi" (*Mạc Thị gia phả*) đã cùng đoàn tùy tùng vội vã rút chạy theo sông Trà Luật ra sông Tiền rồi tìm đường sang Trấn Giang (Cần Thơ). Tại Long Hồ, Mạc Tử Sinh đưa 3 chiếc thuyền còn lại để đón chúa Nguyễn chạy sang Hà Tiên.

Còn quân bản bộ của chúa Nguyễn thì tan tác mỗi người một ngả. Viên cai cơ chỉ huy quân thủy là Nguyễn Văn Oai bị chết tại trận. Những viên tướng khác như Nguyễn Văn Thành, Tôn Thất Huy, Tôn Thất Hội...mỗi người cũng chỉ còn được dăm chục quân.

Sau trận

Trong lần chạy tháo thân này, Nguyễn Ánh và đoàn tùy tùng lại lâm vào cảnh rất khổ sở, có lúc cạn cả lương ăn, tướng Nguyễn Văn Thành phải đi ăn cướp, bị đánh trọng thương, suýt chết^[17]. Ngày 25 tháng 1 năm 1785, chúa Nguyễn sai Mạc Tử Sanh và Chánh cơ Trung sang Xiêm báo tin thất trận.

Thấy không thể trông cậy được người Xiêm, chúa Nguyễn nhờ giáo sĩ Bá Đa Lộc đem Hoàng tử Cảnh đi sang Pháp cầu viện. Đến khi, các tùy tướng dẫn tàn quân tìm đến, cả đoàn mới kéo nhau ra sống ở đảo Thổ Chu.

Tháng 3 năm Ất Tỵ (1785), quân Tây Sơn đến truy đuổi, chúa Nguyễn cùng với khoảng 200 quân tướng và 5 chiếc thuyền^[18] lại phải chạy sang đảo Cổ Cốt, rồi sang Xiêm.

Sử nhà Nguyễn là *Quốc triều chính biên toát yếu* chép:

Tướng Xiêm là Chiêu Tăng, Chiêu Sương không biết địa lý, lại quen thắng trận luôn, liền kéo quân thẳng xuống Mỹ Tho, gặp quân phục binh chặn đánh, quân Xiêm thua, theo đường núi Chân Lạp chạy về...Tháng 4 năm Ất Tỵ (1785), ngài (Nguyễn Ánh) đến thành Vọng Các, vua Xiêm hỏi sự trạng bị thua. Ngài nói hết chuyện Tăng, Sương tàn bạo, dân ta oán, nên thua. Xiêm vương giận lắm, muốn chém Tăng, Sương, ngài lại hòa giải...Xiêm vương mới nguôi giận.^[19]

Sau đó, Nguyễn Ánh xin vua Xiêm cho ra ở Đồng Khoai, ngoại thành Vọng Các. Ở đây, đoàn chúa Nguyễn lo khăn hoang, làm ruộng, đón củi...để nuôi nhau. Còn Nguyễn Huệ, sau khi đánh dẹp xong, liền đem đại quân về Quy Nhơn, cử Đô đốc Đặng Văn Trần ở lại giữ Gia Định.



Tượng đài kỷ niệm chiến thắng Rạch Gầm-Xoài Mút tại Mỹ Tho

Nhận xét

Trích nhận xét:

- Trải qua 14 năm, kể từ ngày khởi sự cho tới năm 1785, nghĩa quân Tây Sơn đã giành được nhiều chiến thắng lớn, nhưng chưa có chiến thắng nào nhanh gọn, lớn lao và

rực rỡ bằng chiến thắng Rạch Gầm-Xoài Mút. Chỉ trong thời gian một ngày, quân đội Tây sơn đã tiêu diệt gọn nhiều vạn quân Xiêm-Nguyễn, đặt toàn bộ lãnh thổ Đàng Trong dưới quyền kiểm soát của mình. Trong trận quyết chiến này, Nguyễn Huệ đã lợi dụng địa hình, vận dụng chiến thuật một cách linh hoạt. Đặc biệt, ông đã khéo léo kết hợp quân thủy và quân bộ để cùng tấn công, đánh đối phương trên cả bốn mặt, nhưng chủ lực là đánh thật mạnh vào sườn địch. Xét toàn cục, cuộc tiến công trên có ý nghĩa chính trị, quân sự rất to lớn; nó có tác dụng quyết định đối với cuộc diện ở miền Nam^[20].

- Không thể tấn công đối phương ở Trà Tân, vì đây là một bản doanh tập trung đông quân và được phòng bị chặt chẽ, trong khi quân của Tây Sơn ít hơn hẳn về số lượng. Hơn nữa trong tình hình cả nước lúc bấy giờ, đòi hỏi Nguyễn Huệ phải đánh nhanh giải quyết nhanh. Bởi kẻ thù nguy hiểm của Tây Sơn không phải chỉ có liên quân Xiêm-Nguyễn ở Gia Định mà còn có quân chúa Trịnh ở Thuận Hóa. Tiến công vào Trà Tân, cuộc chiến đấu chắc chắn sẽ ác liệt và kéo dài. Như vậy, quân chủ lực tinh nhuệ của Tây Sơn bị giam chân ở phía Nam. Rất có thể, khi ấy quân Trịnh chớp lấy thời cơ đánh vào Quy Nhơn. Phải đồng thời đối phó với hai kẻ thù ở hai phía, quân Tây Sơn chắc chắn sẽ bị phân tán lực lượng. Đó là những lý do vì sao Nguyễn Huệ không mở cuộc tiến công vào đó, mà chủ trương như địch ra khỏi căn cứ, kéo họ đến một địa hình có lợi cho quân mình, để tiêu diệt gọn bằng một trận thủy chiến^[21].

Kết luận :

Trận Rạch Gầm - Xoài Mút là một trong những trận thủy chiến lớn nhất và lừng lẫy nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta.

Trận đánh diễn ra trên một đoạn sông Mỹ Tho vào lúc trời còn chưa sáng, ánh lửa đom đóm còn lập lòe trên những cây bần ven sông nhô ra mặt nước như một câu ca dao dân gian đã diễn tả:

*Bản gie lửa đóm sáng ngời,
Rạch Gầm soi dẫu muôn đời uy linh*

Và trận đánh kết thúc rất nhanh chóng trong ngày hôm đó, ngày 19 tháng 1 năm 1785. Chỉ trong khoảng một ngày, khoảng 2 vạn quân Tây Sơn đã giao chiến và đánh tan tành hơn 5 vạn quân Xiêm - Nguyễn, tiêu diệt gần 4 vạn quân Xiêm và hàng nghìn quân Nguyễn.

Xiêm không phải là một nước lớn, quân đội Xiêm không phải là một quân đội thiện chiến, hùng hậu. Nhưng cuộc chiến tranh xâm lược của quân Xiêm vào cuối thế kỷ XVIII vẫn là một nguy cơ nghiêm trọng đe dọa độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước. Cuộc kháng chiến chống Xiêm có vị trí quan trọng của nó trong lịch sử và có những khó khăn, phức tạp riêng. Quân Xiêm tuy có 5 vạn nhưng được bọn phong kiến phản động trong nước tiếp sức hưởng ứng, ủng hộ về mọi mặt. Quân địch lại chiếm được nửa đất Gia Định. Trong lúc đó, phong trào Tây Sơn chỉ mới giải phóng được phần lớn đất Đàng trong và đang phải đối phó với thù trong giặc ngoài ở cả hai phía Bắc, Nam. Thế mà sau khoảng 10 ngày chuẩn bị, với quân số chưa bằng một nửa quân địch, quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ lãnh đạo đã thực hành một trận quyết chiến chiến lược thắng lợi hết sức oanh liệt, giòn giã.

Bằng chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút, quân Tây Sơn đã giành được thắng lợi quyết định, quét sạch quân xâm lược ra khỏi đất Gia Định, thu hồi những vùng đất bị chiếm đóng và làm tiêu tan tham vọng của vua Xiêm đối với phần lãnh thổ cực Nam

của nước ta. Chính các sử thần triều Nguyễn cũng nhận thấy: “Người Xiêm từ sau cuộc bại trận năm Giáp Thìn, miệng tuy nói khoác mà lòng thì sợ Tây Sơn như cọp” (*Sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, sách đã dẫn, t. II, tr. 65*). Vua Xiêm Cha-kri I cũng phải thừa nhận: quân Xiêm “đại bại”, bọn Chiêu Tăng, Chiêu Sương “ngu hèn, kiêu căng, hung hãn đến nỗi bại trận” làm “bại binh, nhục quốc” (*Vũ Thế Dinh, Mạc Thị gia phả, sách đã dẫn*).

Chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút còn giáng một đòn đích đáng, vạch trần chân tướng phản bội của Nguyễn Ánh, đập tan lực lượng quân sự và ảnh hưởng chính trị của bè lũ phong kiến phản động này.

Cuộc kháng chiến chống Xiêm thắng lợi mà khâu quyết định là trận Rạch Gầm - Xoài Mút đã đưa phong trào Tây Sơn phát triển lên một trình độ mới. Từ đây, phong trào Tây Sơn làm chủ toàn bộ đất Đàng trong và có điều kiện tiến ra Đàng ngoài lật đổ nền thống trị của tập đoàn phong kiến phản động vua Lê chúa Trịnh, làm nhiệm vụ lập lại nền thống nhất đất nước, bảo vệ độc lập dân tộc Cũng từ đây, phong trào Tây Sơn trở thành phong trào quật khởi của cả dân tộc, kết hợp chặt chẽ trong mục tiêu tinh thần đấu tranh và tổ chức lực lượng, tính chất ác liệt của cuộc đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc. Đó là nét đặc sắc tạo nên nguồn sức mạnh kỳ diệu cho phong trào Tây Sơn trong cuộc chiến đấu liên tục chống thù trong giặc ngoài, lập nên một chuỗi chiến công bất diệt trong lịch sử dân tộc.

Chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút là kết quả chiến đấu ngoan cường, mưu trí của quân đội Tây Sơn được sự tham gia, cổ vũ của nhân dân Gia Định dưới sự tổ chức, lãnh đạo tài tình của Long nương tướng quân Nguyễn Huệ. Với vũ công vang lừng này, Nguyễn Huệ đã nâng cao và hoàn thiện thêm một bước quan trọng nghệ thuật quân sự của quân đội Tây Sơn.

Đưa quân vào Gia Định với nhiệm vụ nhanh chóng tiêu diệt quân Xiêm - Nguyễn, Nguyễn Huệ không tổ chức đánh tiêu hao từng bước rồi tiến lên phản công lớn, cũng không tiến công vào căn cứ có phòng thủ và tập trung nhiều binh lực địch. Nguyễn Huệ chủ trương dùng mưu như địch ra khỏi căn cứ, kéo chúng đến một địa hình có lợi nhất để tiêu diệt bằng lối đánh mai phục, vận động. Tầm mắt chiến lược, tài năng lỗi lạc và trí thông minh sắc sảo của vị tướng chỉ huy quân Tây Sơn thể hiện ở nghệ thuật như địch, lợi dụng địa hình, xác định khu vực quyết chiến, cách sử dụng binh lực và bố trí thế trận.

Trong tư tưởng chỉ đạo, Nguyễn Huệ luôn luôn quán triệt và đặt lên hàng đầu quyết tâm đánh tiêu diệt, đánh nhanh, triệt để. Trên khu vực quyết chiến, tuy quân số ít hơn nhiều so với địch, nhưng biết khéo như địch, tận dụng địa hình, sử dụng và bố trí lực lượng chính xác, Nguyễn Huệ đã bày ra một thế trận lợi hại, chặt chẽ, hoàn chỉnh. Đó là thế trận bất ngờ bao vây toàn bộ quân địch đang vận động trên sông, đánh chặn đầu khóa đuôi rồi công kích mạnh vào cạnh sườn, đánh cả trên sông và trên bờ, nhằm bao vây, chia cắt và tiêu diệt. Đây là một trận thủy chiến nên thủy binh Tây Sơn giữ vai trò chủ yếu, nhưng có sự tham gia hiệp đồng tác chiến của bộ binh. Đặc biệt trong trận đánh này, hỏa lực của quân đội Tây Sơn bao gồm đại bác đặt trên chiến thuyền và bố trí trên bờ, đã được sử dụng đến mức cao và phát huy uy lực to lớn của nó, áp đảo địch ngay từ đầu.

Chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút đã nêu cao truyền thống thủy chiến lâu đời và ưu việt của quân dân ta, đã kế thừa và phát huy kinh nghiệm phong phú của những trận thủy chiến trước đây, tiêu biểu là chiến thắng Bạch Đằng thời Ngô Quyền phá quân Nam Hán (năm 938) và thời Trần Hưng Đạo diệt quân Nguyên (năm 1288).

Chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút là chiến công chống ngoại xâm vô cùng oanh liệt của nhân dân miền cực Nam đất nước. Lập nên vũ công huy hoàng đó, nhân dân miền Nam đã xứng đáng là bức tường thành bất khả xâm phạm của Tổ quốc Việt Nam anh hùng và Nguyễn Huệ, người anh hùng nông dân 32 tuổi, vị tướng tài ba của quân Tây Sơn, đã trở thành một anh hùng dân tộc.

Lật đổ chúa Trịnh

Đánh chiếm Phú Xuân

Chiến dịch Phú Xuân 1786 là loạt trận đánh giữa quân Tây Sơn và chúa Trịnh trong cuộc nội chiến nước Đại Việt cuối thế kỷ 18. Chiến dịch này là một phần của Chiến tranh Trịnh-Tây Sơn, mở đầu cho cuộc bắc tiến thắng lợi của quân Tây Sơn trong quá trình tiêu diệt thế lực họ Trịnh tại Bắc Hà.

Chiến dịch Phú Xuân bao gồm việc đánh chiếm toàn bộ lãnh thổ từ sông Gianh trở vào nam tới Thuận Hóa, mà trọng điểm là thành Phú Xuân.

Bối cảnh

Nước Đại Việt ngay thống nhất một thời gian ngắn sau chiến tranh Lê-Mạc lại bị chia cắt từ đầu thế kỷ 17 tới cuối thế kỷ 18 thành Đàng Ngoài và Đàng Trong. Năm 1771, anh em Tây Sơn nổi dậy chống chúa Nguyễn ở Đàng Trong, chính quyền chúa Nguyễn nghiêng ngả. Chúa Trịnh Sâm ở Đàng Ngoài nhân cơ hội đó phái Hoàng Ngũ Phúc mang quân vào đánh Phú Xuân. Đầu năm 1775, quân Trịnh đánh chiếm Phú Xuân, chúa Nguyễn Phúc Thuần bỏ chạy vào Nam Bộ.

Quân Trịnh tiếp tục đánh thắng quân Tây Sơn khiến Nguyễn Nhạc phải quy phục và nhận làm tiên phong đánh chúa Nguyễn. Từ năm 1776 đến năm 1785, Tây Sơn nhiều lần tấn công chúa Nguyễn ở Nam Bộ, giết 2 chúa Nguyễn Phúc Thuần, Nguyễn Phúc Dương và đuổi chúa Nguyễn Ánh chạy sang lưu vong ở Xiêm La.

Sau khi làm chủ Nam Trung Bộ và Nam Bộ, Tây Sơn quay sang phía bắc đánh Trịnh.

Tình hình hai bên

Ngay sau khi hạ được thành Phú Xuân và tiến xuống đánh thắng quân Tây Sơn ở Quảng Nam, quân Trịnh đã có biểu hiện suy yếu. Thu hàng Tây Sơn, quân Trịnh ngưng chiến và sau đó bị dịch bệnh hoành hành, quân bị thương vong khá nhiều. Cuối năm 1775, Hoàng Ngũ Phúc kiến nghị Trịnh Sâm bỏ Quảng Nam rút về Thuận Hóa rồi trở về bắc. Trịnh Sâm chấp thuận.

Thế lực họ Nguyễn ở Quảng Nam thấy quân Trịnh rút đi bèn nổi dậy định chiếm cứ nhưng Nguyễn Nhạc đã điều binh đánh tan lực lượng này và chiếm Quảng Nam. Trịnh Sâm thấy Quảng Nam xa xôi hiểm trở và ngại dùng binh, nhân đây mới trao cho Nguyễn Nhạc trấn giữ^[4].

Năm 1778, sau khi giết được hai chúa Nguyễn, Nguyễn Nhạc tự xưng làm vua, đặt niên hiệu **Thái Đức**. Chúa Trịnh dù biết nhưng không hỏi đến. Trấn thủ Thuận Hóa của họ Trịnh là Phạm Ngô Cầu được đánh giá là người tham lam nhút nhát, tham tụng Hồ

Sĩ Đồng từ Thuận Hoá về kinh, đã nhiều lần xin bổ viên tướng khác thay cho Ngô Cầu, nhưng Trịnh Sâm không nghe theo^[4].

Năm 1782, Trịnh Sâm chết, hai con là Trịnh Khải và Trịnh Cán tranh nhau làm chúa. Trịnh Khải giết người phụ tá Hoàng Đình Bảo của Trịnh Cán (còn nhỏ), giành lấy ngôi chúa. Thủ hạ của Đình Bảo là Nguyễn Hữu Chỉnh chạy vào nam đầu hàng Tây Sơn.

Tháng 3 năm 1786, dân Bắc Hà bị nạn đói, giá gạo tăng vọt, thầy chết nằm liên nhau. Trịnh Khải hạ lệnh ai nộp của sẽ trao cho quan chức, nhưng không ai hưởng ứng, bèn dùng sắc lệnh bắt ức nhà giàu để lấy tiền chia ra phát chẩn^[4].

Nhận thấy thời cơ đánh Bắc Hà, Nguyễn Huệ đề nghị Nguyễn Nhạc đánh ra bắc nhưng Nguyễn Nhạc ngần ngại chưa quyết^[5].

Sang tháng 4 năm đó, Phạm Ngô Cầu sai sứ là Nguyễn Phú Như vào Quy Nhơn mượn tiếng trao đổi vấn đề biên giới, nhưng thực ra muốn dò tình hình Tây Sơn. Phú Như vốn có quen biết với Nguyễn Hữu Chỉnh, bèn mang tình hình Thuận Hóa nói lại. Hữu Chỉnh bèn xin Nguyễn Nhạc ra quân đánh Thuận Hóa. Lúc đó Nguyễn Nhạc mới quyết định.

Diễn biến

Bố trí lực lượng hai bên

Nguyễn Nhạc cử Nguyễn Huệ làm tổng chỉ huy các cánh quân thủy bộ, Vũ Văn Nhậm làm tả quân đô đốc, Nguyễn Hữu Chỉnh làm hữu quân đô đốc, Nguyễn Lữ chỉ huy đội dự bị thủy quân^[6]. Theo giáo sĩ La Grand de la Liraye trong cuốn *Notes historiques sur la nation annamite*, tổng số quân Tây Sơn tham chiến gồm 5.000 tiên quân, 2.000 hậu quân và 3.000 thủy binh, tất cả 1 vạn người^[7].

Phía quân Trịnh có trên 3 vạn quân^[8]. Từ khi Hoàng Ngũ Phúc và Bùi Thế Đạt rút đi (1775) đã bố trí lực lượng phòng bị. Từ sông Gianh tới đèo Hải Vân, có nhiều đồn để cứu ứng cho nhau. Tuy nhiên, đất Thuận Hóa trong nhiều năm không có chiến tranh, quân số tuy khá đông nhưng phòng thủ không chặt chẽ^[9]. Chủ tướng Phạm Ngô Cầu chuyên làm việc buôn bán, không sắm sửa khí giới phòng bị lương thực nên quân Trịnh và dân đều chán nản khinh thường^[4].

Nhằm triệt để lợi dụng thời tiết mùa hè, gió nồm thổi mạnh có thể đưa thủy quân tiến nhanh ra đánh phá phía bắc, Nguyễn Huệ lập kế hoạch đánh bất ngờ ở các điểm phòng thủ quân Trịnh từ sông Gianh trở vào, từ Hải Vân trở ra và từ cạnh sườn vào Phú Xuân^[10].

- Đạo quân thủy tiến đánh Phú Xuân
- Một đạo thủy quân của Nguyễn Lữ tiến thẳng ra sông Gianh rồi chia làm hai: một cánh án ngữ sông Gianh ngăn viện binh quân Trịnh ở Nghệ An vào cứu; cánh kia đánh xuống các đồn quân Trịnh ở Bồ Chính, Leo Heo và hợp với cánh quân từ Phú Xuân tiến ra đánh Dinh Cát.
- Toàn bộ bộ binh tập trung đánh đèo Hải Vân rồi tiến ra Phú Xuân.

Quân Tây Sơn đánh đèo Hải Vân

Biết Phạm Ngô Cầu là người tin vào việc bói toán, Nguyễn Huệ sai một thủ hạ người Hoa giả làm thầy bói tới Phú Xuân ra mắt quận Tào Phạm Ngô Cầu, khuyên Cầu nên lập đàn giải hạn. Quận Tào nghe theo, bèn lập đàn chay ở chùa Thiên Mục trong 7 ngày 7 đêm, bắt quân phục dịch vất vả^[11]. Trong khi tướng sĩ phía Trịnh mất cảnh giác

thì quân Tây Sơn bắt đầu lên đường ra bắc ngày 28 tháng 4 âm lịch tức 25 tháng 5 năm 1786^[12].

Đèo Hải Vân tuy xung yếu, đồn lũy kiên cố nhưng từ nhiều năm quân Trịnh đã khá trể nải trong việc phòng thủ. Chủ tướng quân Trịnh tại đây là Hoàng Nghĩa Hồ.

Khoảng trung tuần tháng 5 âm lịch năm 1786, đạo quân bộ của Tây Sơn do Nguyễn Huệ đích thân chỉ huy đã tập kích bất ngờ nơi này, quân Trịnh không kịp trở tay. Hoàng Nghĩa Hồ mang quân ra địch bị thua trận và chết tại chiến trường^[4].

Đánh chiếm được Hải Vân, Nguyễn Huệ lập tức thúc quân tiến thẳng ra Phú Xuân.

Các trận đánh nam sông Gianh

Trong lúc Nguyễn Huệ tác chiến ở phía nam thì Nguyễn Lữ mang quân thủy ra sông Gianh. Tại đây, quân Tây Sơn chia làm 2 cánh. Một cánh án ngữ sông Gianh ngăn viện binh Trịnh từ bắc sông Gianh kéo vào; cánh kia tiến xuống chiếm đồn Bó Chính^[13] và lũy Đồng Hới.

Tuy tại đây có không ít đồn phòng thủ nhưng các cánh quân Trịnh tại đây đều có tinh thần chiến đấu thấp. Khi quân Tây Sơn kéo đến, các tướng sĩ Bắc Hà đều bỏ thành lũy chạy trốn^[14]. Khi quân Tây Sơn chiếm được Bó Chính sắp tiến vào Leo Heo thì quân Trịnh tại đây cũng bỏ chạy, nhưng bị dân địa phương bắt nộp cho quân Tây Sơn.

Quân Tây Sơn tiến đánh lũy Đồng Hới (lũy Thầy) do Phái Vị hầu và Ninh Tôn chỉ huy. Tuy thành lũy khá kiên cố nhưng tinh thần quân Trịnh tại đây cũng bạc nhược. Hai tướng Trịnh sợ bị đánh từ cả đường thủy lẫn đường bộ, không dám chống cự bèn theo đường núi trốn thoát về Bắc. Ngày 26 tháng 5 âm lịch tức 21 tháng 6, quân Tây Sơn chiếm đóng lũy Đồng Hới^[15].

Trận chiến ở thành Phú Xuân

Trong khi Phạm Ngô Cầu vẫn đang cầu cúng ở chùa Thiên Mụ thì tàn quân Trịnh ở Hải Vân chạy về báo tin Hoàng Nghĩa Hồ tử trận. Quận Tào hoảng sợ, biết mình mắc mưu quân Tây Sơn, vội lệnh cho quân sĩ về thành chuẩn bị đối phó, nhưng các tướng sĩ vất vả phục dịch nhiều ngày nên mỗi mệt và tinh thần chiến đấu suy nhược^[16].

Đề ly gián các tướng Trịnh giữ Phú Xuân là Phạm Ngô Cầu và Hoàng Đình Thễ, Nguyễn Huệ theo kế của Nguyễn Hữu Chỉnh, dùng Chỉnh đứng tên nhân danh người quen cũ, viết thư dụ hàng Hoàng Đình Thễ, song lại sai người cố ý đưa thư nhầm cho Phạm Ngô Cầu. Phạm Ngô Cầu đang bối rối và mỗi mệt lại tiếp nhận thư của Nguyễn Hữu Chỉnh gửi Hoàng Đình Thễ, bắt đầu nghi ngờ Đình Thễ không hết lòng chiến đấu. Bản thân quận Tào cũng sinh ý định hàng Tây Sơn. Quận Tào bèn dim bức thư đó không đưa cho quận Thễ^{[17][4]}.

Không lâu sau quân Tây Sơn kéo đến sát thành Phú Xuân. Đạo thủy quân của Vũ Văn Nhậm chỉ huy tới cửa biển thì gặp một tàu Bồ Đào Nha. Tàu này vốn của thương nhân thường tới làm ăn tại Phú Xuân nên họ ủng hộ Phạm Ngô Cầu chống Tây Sơn. Quân Tây Sơn bèn bao vây đốt phá tàu, thuyền trưởng và các sĩ quan người Bồ Đào Nha bị quân Tây Sơn quăng xuống biển. Tàu bị đốt cháy, được phá làm từng mảnh dùng làm cầu phao, còn các thủy thủ được Tây Sơn thu dụng^[18].

Thắng tàu Bồ Đào Nha, thủy quân Tây Sơn theo sông Hương áp sát thành, trong khi đó bộ binh Tây Sơn cũng tiến đến vây thành.

Trong thành, Phạm Ngô Cầu bàn nên hàng, còn Hoàng Đình Thê muốn đánh. Vì quận Thê quyết chiến, quận Tạo để quận Thê mang quân nghênh chiến, còn mình giữ thành.

Hoàng Đình Thê mang quân lên mặt thành chống cự, tập trung pháo bắn xuống dữ dội. Bộ binh Tây Sơn bị pháo bắn phải giãn vòng vây lùi ra xa. Nguyễn Huệ điều quân bộ lên thuyền thủy binh ở bờ sông Hương, dùng đại bác bắn lên thành chống lại pháo quân Trịnh, nhưng từ mặt nước lên mặt thành quá cao (hơn 2 trượng) nên đại bác Tây Sơn bắn không tới. Một chiến thuyền Tây Sơn bị bắn chìm^[19].

Nguyễn Huệ buộc phải hạ lệnh cho quân Tây Sơn ngưng chiến. Lúc đó là tháng 5 đang mùa nước lũ. Thông thường ban ngày mực nước sông Hương thấp, tới đêm nước dâng cao. Biết quy luật nước lên xuống, Nguyễn Huệ bèn đổi chiến thuật không đánh ban ngày mà đánh ban đêm^[20].

Đêm ngày 20 tháng 5 âm lịch tức 15 tháng 6 năm 1786, nước dâng ngập chân thành Phú Xuân. Nguyễn Huệ hạ lệnh tiến công. Thủy quân Tây Sơn tiến đến nã pháo vào trong thành. Hòa lực quân Trịnh mất tác dụng. Hoàng Đình Thê không thể dùng pháo binh chống lại quân Tây Sơn được nữa, phải cùng các con và thuộc tướng Vũ Tá Kiên mở cửa thành ra nghênh địch^{[4][20]}.

Đánh nhau được 1 canh giờ, Hoàng Đình Thê thuốc súng và đạn đều hết, bèn sai người vào thành xin tiếp viện, nhưng Phạm Ngô Cầu đóng cửa thành không cứu viện. Đình Thê cùng hai người con và tì tướng là Vũ Tá Kiên dựa vào thành lũy để bày trận, đem hết sức lực chiến đấu. Nhưng trong lúc quận Thê đang chiến đấu thì trên mặt thành, quận Tạo đã kéo cờ trắng xin hàng. Hai người con quận Thê phóng ngựa ra trận, ngựa bị què, bèn xuống ngựa đánh bộ, bị trọng thương, chết tại mặt trận. Đình Thê cùng Tá Kiên lần lượt tử trận^[4].

Nguyễn Huệ thúc quân ồ ạt tiến lên chiếm thành. Ngô Cầu mở cửa thành xe quan tài ra hàng, đốc thị Nguyễn Trọng Đang chết ở trong đám loạn quân. Thuận Hóa thuộc về Tây Sơn.

Kết quả và ý nghĩa

Lực lượng quân Trịnh bị tiêu diệt gần hết, chỉ còn vài trăm người chạy thoát ra ngoài thành nhưng bị dân địa phương đón đường giết chết. Chỉ có một người lính duy nhất sống sót được chạy về Dinh Cát báo tin thất trận ở Phú Xuân^[21]. Trấn thủ Dinh Cát là con rể chúa Trịnh nghe tin thất kinh, bỏ Dinh Cát chạy song sau đó bị bắt cùng 200 thuộc hạ^[22].

Vùng kiểm soát của quân Trịnh ở Nam sông Gianh đã bị cánh quân Nguyễn Lữ tấn công đánh chiếm đồng thời với trận chiến tại thành Phú Xuân. Tới ngày 21/6/1786, quân Tây Sơn chiếm xong Lũy Thầy và tới ngày 22/6/1786 thì chiếm nốt Dinh Cát bỏ trống.

Chiến dịch Phú Xuân 1786 diễn ra trong 28 ngày, quân Tây Sơn tiêu diệt đại bộ phận quân Trịnh ở phía nam sông Gianh – vùng đất mà chính quyền Lê - Trịnh mới mở từ cuộc chiến năm 1774-1775 và khiến chính quyền chúa Trịnh vốn suy yếu càng đẩy nhanh tới tan rã^[23]. Nhân đà thắng lợi này, Nguyễn Huệ thúc quân tấn công ra bắc. Lực lượng họ Trịnh nhanh chóng bị đánh bại và chính quyền chúa Trịnh sụp đổ 1 tháng sau đó (21/7/1786).

Tham khảo

- Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng, *Tìm hiểu thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ*, NXB Quân đội nhân dân, 1976
- Khâm định Việt sử thông giám cương mục
- Ngô gia văn phái, *Hoàng Lê nhất thống chí*

Chú thích

1. Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng, sách đã dẫn, tr 113, 130
2. Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng, sách đã dẫn, tr 110 - dẫn lại theo giáo sĩ La Grand de la Liraye trong *Notes historiques sur la nation annamite*
3. Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng, sách đã dẫn, tr 125
4. ^{a b c d e f g h} Khâm định Việt sử thông giám cương mục, quyển 46
5. Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng, sách đã dẫn, tr 109 - dẫn lại từ Đại Nam thực lục
6. Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng, sách đã dẫn, tr 109 - dẫn lại từ Đại Nam chính biên liệt truyện
7. Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng, sách đã dẫn, tr 110 - dẫn lại theo giáo sĩ La Grand de la Liraye trong *Notes historiques sur la nation annamite*
8. Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng, sách đã dẫn, tr 125
9. Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng, sách đã dẫn, tr 111
10. Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng, sách đã dẫn, tr 113
11. Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng, sách đã dẫn, tr 116, dẫn lại từ thư của Giám mục La Bartette ngày 23/6/1786
12. Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng, sách đã dẫn, tr 113
13. Thuộc huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình
14. Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng, sách đã dẫn, tr 121
15. Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng, sách đã dẫn, tr 123
16. Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng, sách đã dẫn, tr 117, dẫn lại từ thư của Giám mục La Bartette ngày 23/6/1786
17. Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng, sách đã dẫn, tr 116, dẫn lại từ Đại Nam thực lục và Đại Nam chính biên liệt truyện
18. Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng, sách đã dẫn, tr 118, dẫn lại từ thư của Giám mục La Bartette ngày 10/7/1786
19. Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng, sách đã dẫn, tr 118, dẫn lại từ Đại Nam chính biên liệt truyện
20. ^{a b} Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng, sách đã dẫn, tr 118
21. Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng, sách đã dẫn, tr 118, dẫn lại từ thư của giáo sĩ Doussain ngày 6/6/1787
22. Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng, sách đã dẫn, tr 123, dẫn lại từ thư của giáo sĩ Doussain ngày 6/6/1787
23. Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng, sách đã dẫn, tr 130

Tiến ra Thăng Long



Đền Quán Cháo ở Tam Diệp với truyền thuyết tiên nữ dâng cháo cho nghĩa quân Tây Sơn

Do sự thuyết phục của Nguyễn Hữu Chỉnh, Nguyễn Huệ quyết định đem quân ra Bắc đánh Thăng Long để diệt họ Trịnh dù chưa được lệnh của vua anh Nguyễn Nhạc.

Với danh nghĩa "Phù Lê diệt Trịnh", Nguyễn Huệ sai Chỉnh làm tiên phong Bắc tiến. Quân Trịnh rệu rã nhanh chóng thua trận, các danh tướng phần nhiều nghe tin Phú Xuân thất thủ đã khiếp sợ, đến khi nghe quân Tây Sơn kéo ra, đa số đã bỏ trốn. Chúa

Trịnh không được lòng dân, bỏ thành Thăng Long chạy, bị dân bắt đem nộp Tây Sơn. Trên đường áp giải, Trịnh Tông tự sát.

Nguyễn Huệ vào thành Thăng Long yết kiến vua Lê Hiển Tông. Tuy về danh nghĩa Nguyễn Huệ trao trả quyền chính lại cho vua Lê và nhận phong Nguyên súy Dục chính phủ vận Uy quốc công, nhưng trong thực tế, ông nắm toàn bộ quyền chính ở Bắc Hà. Do sự sắp xếp của Nguyễn Hữu Chỉnh, vua Lê Hiển Tông gả công chúa Ngọc Hân cho Nguyễn Huệ.

Tháng 7 năm 1786, vua Lê Hiển Tông qua đời, thọ 70 tuổi. Do ý kiến của công chúa Ngọc Hân thiên về lập hoàng thân Lê Duy Cận (anh của Ngọc Hân), Nguyễn Huệ muốn hoãn lễ đăng quang của Lê Duy Kỳ. Do áp lực của tôn thất nhà Lê đối với Ngọc Hân, Nguyễn Huệ đành thu xếp cho Lê Duy Kỳ lên ngôi vua, đó là vua Lê Chiêu Thống. Ít lâu sau, Nguyễn Huệ đem công chúa Ngọc Hân cùng Nguyễn Nhạc rút quân về Nam.

Dẹp Án Đô vương

Sau khi quân Tây Sơn rút đi, các thế lực của chúa Trịnh từng bỏ trốn khi Tây Sơn kéo ra như Đinh Tích Nhưỡng, Hoàng Phùng Cơ trở dậy, lập Trịnh Bồng lên ngôi vương, tức là Án Đô vương, tái lập chính quyền chúa Trịnh.

Vua Lê Chiêu Thống đang muốn chấn hưng nhà Lê bèn mời Nguyễn Hữu Chỉnh đang trấn ở Nghệ An ra dẹp Trịnh Bồng. Chỉnh nhanh chóng đánh tan quân Trịnh, đốt phủ chúa, Trịnh Bồng bỏ đi mất tích. Họ Trịnh mất hẳn, nhưng Nguyễn Hữu Chỉnh lại lộng hành như chúa Trịnh trước kia.

Mâu thuẫn nội bộ

Nguyên nhân

Sử sách không ghi chép thật rõ ràng về sự kiện mâu thuẫn giữa anh em Tây Sơn. Các sử gia nhà Nguyễn cho rằng tại Nguyễn Nhạc "tư thông" với vợ Nguyễn Huệ, nhưng lý do này có vẻ không xác đáng. Có tài liệu nói rằng Nguyễn Nhạc yêu cầu Nguyễn Huệ nộp vàng bạc lấy từ kho của họ Trịnh ở Bắc Hà mang về Nam nhưng vua em không chịu; hơn thế vua em lại xin vua anh cho cai quản thêm Quảng Nam và vua anh không chấp thuận, do đó Nguyễn Huệ chủ động mang quân vào nam đánh Nguyễn Nhạc. Ý kiến sau có vẻ xác đáng hơn.

Có ý kiến bàn thêm rằng, chủ trương của Nguyễn Nhạc là tập trung tiêu diệt chúa Nguyễn, chỉ đánh chiếm phần đất của chúa Nguyễn để thay thế cai trị tại miền Nam và giữ hòa bình với Bắc Hà, cho nên việc Nguyễn Huệ tự ý đem quân Bắc tiến là trái ý vua anh. Ngay khi biết tin Nguyễn Huệ đánh Thăng Long, vua Tây Sơn vội mang quân ra Bắc, thực chất là để gọi em về. Mặt khác, Nguyễn Nhạc không yên tâm với sự phát triển thế lực riêng của Nguyễn Huệ. Trong khi đó, là người có hùng tâm, Nguyễn Huệ có chủ trương tự lực phát triển ra ngoài tầm kiểm chế của vua anh và việc Bắc tiến của ông không hẳn chỉ vì lời khuyên của Nguyễn Hữu Chỉnh. Đây mới chính là nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn của anh em Tây Sơn^[21].

Sử cũ ghi rất vắn tắt và không thật rõ ràng về sự kiện này, chỉ biết khoảng đầu năm 1787, Nguyễn Huệ mang 60.000 quân nam tiến vây thành Quy Nhơn. Theo thư của một số linh mục Pháp, để có đủ 6 vạn quân vây bọc thành Quy Nhơn, Nguyễn Huệ bắt thêm toàn bộ số đinh Thuận - Quảng vào lính, khiến nhiều vùng không còn đàn ông nữa. Nguyễn Nhạc bị vây ngặt bèn gọi Đặng Văn Trấn, đang trấn thủ Gia Định, ra cứu. Trấn

vâng lệnh mang quân ra, nhưng đến Phú Yên đã bị Nguyễn Huệ bắt sống. Nguyễn Huệ nã pháo tới tấp vào thành Quy Nhơn. Nguyễn Nhạc bị vây bức quá phải lên thành khóc xin em đừng đánh thành nữa. Nguyễn Huệ bằng lòng giảng hòa với anh.

Tuy nhiên, theo một giáo sĩ phương Tây tại Việt Nam lúc đó, anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ tuy mâu thuẫn nhưng cho đến khi Nguyễn Huệ bắt được Đặng Văn Trấn, quân đội hai bên vẫn chưa thực sự đánh nhau thì Nguyễn Lữ đứng ra điều đình và hai bên vì tình cảm trong nhà đã đồng ý giảng hoà^[22].

Nguyễn Nhạc phong vương cho hai em, mỗi người chia nhau giữ một khu vực từ tháng 4 năm 1787:

- Nguyễn Nhạc xưng là Trung ương Hoàng đế, đóng đô ở Quy Nhơn.
- Phong Nguyễn Lữ làm Đông Định Vương, cai quản vùng đất Gia Định.
- Phong Nguyễn Huệ làm Bắc Bình Vương, cai quản vùng đất từ đèo Hải Vân trở ra Bắc.

Nguyễn Huệ giảng hoà và nhận chức Bắc Bình vương của vua anh phong. Hai anh em lấy Bản Tân làm ranh giới, từ Thăng Hoa, Điện Bàn ra Bắc thuộc Nguyễn Huệ, từ Quảng Ngãi trở vào thuộc vua Thái Đức. Như vậy vua Thái Đức đã thoả mãn yêu cầu được cai quản Quảng Nam của vua em. Còn Nguyễn Lữ trấn thủ Gia Định, có thái bảo Phạm Văn Tham giúp sức.

Hậu quả

Việc bất hòa giữa anh em Tây Sơn để lại hậu quả nghiêm trọng và lập tức bị kẻ địch từ hai phía tận dụng.

Ở phía nam, sau trận Rạch Gầm - Xoài Mút, Nguyễn Huệ đã chủ động giao hảo với vua Xiêm để cởi bỏ thù hận, do đó vua Xiêm không có ý giúp Nguyễn Ánh trở về lần nữa^[23]. Tuy nhiên sau 3 năm lưu vong ở Xiêm, Nguyễn Ánh nhận ra cơ hội này để về nước và đã tập hợp lực lượng, trở về vào tháng 8 năm 1787.

Nguyễn Lữ hèn yếu nghe tin Nguyễn Ánh trở về vội vã tránh đi nơi khác để Gia Định cho Phạm Văn Tham giữ. Sau đó thế quân Nguyễn Ánh ngày càng mạnh khiến Nguyễn Lữ sợ hãi mang quân bản bộ rút chạy về Quy Nhơn. Quân Tây Sơn đã mông lại càng mông. Mặc dù sau đó Phạm Văn Tham đã nỗ lực chống trả nhưng vì không được viện binh trợ lực nên tháng 8 năm 1788 Nguyễn Ánh chiếm lại được Gia Định. Phạm Văn Tham rút chạy ra ngoài vẫn cố đơn độc chiến đấu để chờ viện binh nhưng lúc đó Nguyễn Nhạc chỉ lo phòng bị vua em Bắc Bình vương ở phía bắc mà không đoái hoài đến việc cứu phía nam nữa. Thế cùng sức kiệt, đầu năm 1789 Phạm Văn Tham bị Nguyễn Ánh vây chặt, lại bị đường ra biển về Quy Nhơn nên buộc phải đầu hàng. Tây Sơn lại mất Nam Bộ.

Sau một thời gian để mất Gia Định trở về Quy Nhơn, Đông Định vương Nguyễn Lữ lâm bệnh qua đời. *(Xem thêm bài về Nguyễn Lữ)*

Ở Bắc Hà, Nguyễn Hữu Chỉnh nhân lúc Tây Sơn lục đục bèn có ý chống lại Tây Sơn. Nguyễn Huệ phái Vũ Văn Nhậm, con rể của Nguyễn Nhạc, ra tiêu diệt Nguyễn Hữu Chỉnh. Tuy nhiên, đến lượt Vũ Văn Nhậm chuyên quyền, có ý chống Nguyễn Huệ. Tháng 4 năm 1788, Lê Chiêu Thống đã bỏ kinh đô lưu vong. Nguyễn Huệ phải đem quân ra Bắc lần thứ hai, giết Vũ Văn Nhậm. Ông tổ chức lại hệ thống cai trị ở Bắc Hà, đưa các danh sĩ có tên tuổi như Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích ra đảm đương công việc.

Sau khi đã lập Sùng nhượng công Lê Duy Cận làm Giám quốc, Nguyễn Huệ lại rút quân về Phú Xuân.

Đại phá quân Mãn Thanh

Trận Ngọc Hồi - Khương Thượng (hay **Chiến thắng Kỷ Dậu**) là tên gọi do các nhà sử học Việt Nam dành cho loạt trận đánh chống ngoại xâm thắng lợi của nước Đại Việt thời Tây Sơn do vua Quang Trung lãnh đạo vào đầu năm Kỷ Dậu 1789, đánh tan hàng vạn quân Mãn Thanh do Tôn Sĩ Nghị chỉ huy - kéo sang do sự cầu viện của vua Chiêu Thống nhà Hậu Lê.

Trận Ngọc Hồi - Khương Thượng khẳng định sự tồn tại của nước Đại Việt trước họa xâm lược, chấm dứt sự tồn tại của nhà Hậu Lê. Chiến thắng này còn đánh dấu việc nhà Tây Sơn chính thức thay nhà Hậu Lê trong việc cai quản đất Bắc Hà và trong quan hệ với nhà Thanh.

Bối cảnh

Nước Đại Việt cuối thế kỷ 18 rất rối ren và phân liệt nhiều hơn sau hơn 200 năm chia cắt Đàng Trong và Đàng Ngoài. Vua nhà Hậu Lê chỉ tồn tại trên danh nghĩa ở Thăng Long – nơi quyền hành trong tay các chúa Trịnh; còn từ sông Gianh trở vào nam, đất đai do chúa Nguyễn cai quản, cũng lấy danh nghĩa "phù Lê".

Năm 1771, ba anh em Tây Sơn là Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ nổi dậy khởi nghĩa chống chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Sau hơn 10 năm kịch chiến, năm 1783, Nguyễn Nhạc lật đổ sự thống trị của chúa Nguyễn ở Đàng Trong, tự lập làm vua Thái Đức ở Quy Nhơn. Chúa Nguyễn mới là Nguyễn Ánh phải chạy sang Xiêm lưu vong.

Năm 1786, Nguyễn Nhạc cử em là Nguyễn Huệ mang quân đánh Phú Xuân – kinh thành cũ của chúa Nguyễn, bị chúa Trịnh đánh chiếm năm 1775. Nguyễn Huệ đánh lấy Phú Xuân rồi đánh thắng ra Thăng Long với danh nghĩa "Phù Lê diệt Trịnh", tiêu diệt chúa Trịnh. Anh em Tây Sơn giao hiếu với vua Lê rồi rút quân về nam.

Do sự tranh chấp về quyền lực, Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ nổ ra xung đột đầu năm 1787. Nguyễn Huệ thắng thế nhưng chấp nhận lời cầu hòa của vua anh.

Nhân cơ hội đó, các lực lượng chống Tây Sơn trỗi dậy. Phía nam, Nguyễn Ánh nhờ sự giúp đỡ của người Pháp, trở về đánh chiếm Gia Định. Đông Định vương nhà Tây Sơn là Nguyễn Lữ bỏ Gia Định về Quy Nhơn. Phía bắc, các lực lượng thân họ Trịnh dựng lại người trong tông tộc là Trịnh Bồng lên ngôi, bị tướng Bắc Hà đã hàng Tây Sơn là Nguyễn Hữu Chỉnh từ Nghệ An kéo ra đánh bại. Chỉnh ra cầm quyền ở Thăng Long mưu thay chúa Trịnh chống Tây Sơn.

Mâu thuẫn giữa vua Lê và Tây Sơn

Lê Chiêu Thống lên ngôi trong bối cảnh chúa Trịnh vừa bị diệt, muốn lấy lại quyền hành về tay, nhưng liên tiếp bị các tướng áp chế để lập lại họ Trịnh. Lê Chiêu Thống triệu Nguyễn Hữu Chỉnh về đánh trừ được họ Trịnh thì lại đến lượt Nguyễn Hữu Chỉnh lộng hành.

Lúc đó Tây Sơn không còn ở Bắc Hà nhưng vẫn giữ đất Nghệ An, mà cương thổ cũ của Đàng Ngoài là tới sông Gianh thuộc Bắc Bộ Chính (Quảng Bình). Vua Lê Chiêu Thống tuy không thích việc Nguyễn Hữu Chỉnh chuyên quyền nhưng lại đồng thuận với ông ta trên 2 điểm^{[8][9]}:

- Không muốn sự quay lại của họ Trịnh

- Không muốn chịu ảnh hưởng của Tây Sơn và không bằng lòng việc mất Nghệ An cho Tây Sơn.

Do đó, Lê Chiêu Thống đồng tình với Nguyễn Hữu Chỉnh trong việc cử Trần Công Xán vào Phú Xuân đòi Nguyễn Huệ đất Nghệ An. Nguyễn Huệ không bằng lòng "trả" Nghệ An, điều thêm quân ra Nghệ An cho Vũ Văn Nhậm để chuẩn bị đánh ra Bắc. Trong khi đó tình hình Bắc Hà vẫn rối ren, Nguyễn Hữu Chỉnh vẫn phải lo đánh dẹp các lực lượng thân họ Trịnh.

Tháng 11 năm 1787, Nguyễn Huệ sai Ngô Văn Sở hợp sức với Vũ Văn Nhậm mang quân ra Bắc. Nguyễn Hữu Chỉnh mang quân ra đánh bị thua to. Tháng 12 năm 1787, Vũ Văn Nhậm tiến vào Thăng Long, Lê Chiêu Thống cùng Chỉnh chạy sang Bắc Giang, đóng ở Mục Sơn. Chỉnh bị quân Tây Sơn đuổi kịp, bắt được và giết chết.

Vũ Văn Nhậm tiến quân đi đánh tan các lực lượng phò Lê rồi sai người đi mời vua Lê về kinh. Vua Lê không thuận, vẫn hô hào quân các trấn Bắc Hà cần vương chống Tây Sơn. Bắc Hà rối loạn, các lực lượng thân vua Lê, thân họ Trịnh cũ và quân đội Tây Sơn đánh lẫn nhau.

Trong lúc tướng Tây Sơn là Phạm Văn Tham đang cầm cự với quân Nguyễn Ánh ở Nam Bộ, Vũ Văn Nhậm lại chuyên quyền có ý chống lại Nguyễn Huệ ở Thăng Long. Tháng 4 năm 1788, Nguyễn Huệ ra Bắc lần thứ hai, giết chết Vũ Văn Nhậm. Nguyễn Huệ bèn dựng hoàng thân Lê Duy Cận làm giám quốc, sai Ngô Văn Sở cầm quân giữ Thăng Long và tháng 5 năm 1788 trở về Phú Xuân để chuẩn bị Nam tiến đánh Nguyễn Ánh theo thỉnh cầu của vua anh Nguyễn Nhạc.

Quân Thanh tiến vào Đại Việt

Lực lượng phù trợ Lê Duy Kỳ thất thế. Tháng 5 năm 1788, mẹ Lê Duy Kỳ cùng các bày tôi sang Long Châu cầu viện nhà Thanh phát binh đánh Tây Sơn. Tháng 7 năm 1788, Lê Chiêu Thống ở Kinh Bắc cũng sai người sang Trung Quốc cầu viện. Càn Long nhân cơ hội đánh chiếm Đại Việt bèn sai Tổng đốc Lưỡng Quảng là Tôn Sĩ Nghị mang từ 18.000 đến hơn 20 vạn quân (xem phần "*Các ý kiến về số quân Thanh*" bên dưới), gồm các đạo binh huy động từ Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam và Quý Châu hộ tống Lê Chiêu Thống về Đại Việt với danh nghĩa phò Lê.

Quân Thanh chia làm 3 đường tiến sang Đại Việt:

1. Quân Vân Nam, Quý Châu do đề đốc Vân Quý là Ô Đại Kinh, từ Vân Nam qua ải Mã Bạch, theo đường Tuyên Quang xuống Sơn Tây vào Thăng Long.
2. Quân Quảng Đông, Quảng Tây do Tôn Sĩ Nghị (chức tổng đốc Lưỡng Quảng) trực tiếp chỉ huy, qua ải Nam Quan vào Lạng Sơn; phó chỉ huy là Hứa Thế Hanh (chức đề đốc) cùng các tướng Thượng Duy Thăng, Trương Triều Long (cả hai đều đang mang chức tổng binh), Lý Hóa Long (chức phó tướng).
3. Quân tình nguyện Điền châu do Sầm Nghi Đống chỉ huy, theo đường Long châu tiến vào Cao Bằng rồi tiến về Thăng Long.

Cả 3 đạo quân xuất phát vào cuối tháng 10 âm lịch năm 1788.

Càn Long còn đặc cử Phúc Khang An chuyên trách hậu cần. Theo sách *Thánh vũ ký*, phần "Càn Long chinh phủ An Nam ký" của Ngụy Nguyên đời Thanh, Phúc Khang An đã thiết lập trên 70 đồn quân lương to lớn và kiên cố từ hai đường Quảng Tây và Vân Nam tới Thăng Long. Riêng chặng đường từ ải Nam Quan tới Thăng Long, Khang An thiết lập 18 kho quân lương trong khi Tôn Sĩ Nghị hành quân.

Tiền quân Tây Sơn vừa đánh vừa rút lui

Khi quân Thanh tiến qua biên giới, quân lính Tây Sơn bỏ trốn hết khiến viên trấn thủ của Tây Sơn là Phan Khải Đức phải đầu hàng^[10]

Ngô Văn Sở được tin quân Thanh kéo sang liền nhóm họp các văn võ quan nhà Lê đưa một bức thư ký tên Giám Quốc Sùng Nhượng Công, Lê Duy Cẩn sang xin hoãn binh với Tôn Sĩ Nghị. Rồi các tướng Tây Sơn mở cuộc thảo luận.

Nhiều người bàn dùng phục binh đánh quân Thanh như Lê Lợi diệt tướng Minh là Liễu Thăng, Lương Minh trước đây, duy Ngô Thì Nhậm chủ trương kế hoạch, nhử quân Thanh vào sâu nội địa, thủy quân rút về Biện Sơn trước, lục quân kéo vào đóng giữ núi Tam Điệp rồi báo tin vào cho Bắc Bình Vương. Chiến lược này được chấp thuận, binh sĩ các đạo đều được lệnh về hội ngay dưới cờ của Tiết Chế Ngô Văn Sở tại bờ sông Nhị vào năm hôm sau. Sở bàn kế hoạch lui quân.

Ngô Văn Sở sai tướng chặn giữ bến đò Xương Giang chặn quân Thanh, và sai Phan Văn Lân đưa hơn 10 ngàn quân tinh nhuệ từ Thăng Long đi đánh. Quân Tây Sơn vượt sông Nguyệt Đức đánh vào quân Thanh đang đóng ở núi Tam Tầng, bao vây doanh trại của Tôn Sĩ Nghị. Súng hỏa sang của quân Thanh bắn ra như mưa, đồng thời cung tên từ hai cánh phải và trái của quân Thanh cũng bắn ra, quân Tây Sơn chết rất nhiều. Tôn Sĩ Nghị lại phái một toán kỵ binh từ mạn thượng lưu vượt qua sông đánh úp lấy đồn Thị Cầu. Đồn này phát hỏa, Văn Lân cả sợ rút về.^[11]

Ngày 21 tháng 11 năm Mậu Thân (1788), thành Thăng Long bỏ ngỏ, quân của Nghị vào đóng và tướng doanh của Nghị đặt tại Tây Long Cung. Theo lời vua Thanh dặn, Sĩ Nghị lấy xong thành này rồi trao ấn cho Duy Kỳ, tấn phong làm An Nam quốc vương lấy lòng dân Đại Việt.^[11] Ngày 22, Sĩ Nghị làm lễ ở điện Kính Thiên để làm lễ sách phong cho vua Lê Chiêu Thống.

Lê Chiêu Thống được tin quân Tây Sơn rút khỏi các trấn, bèn điều các tướng dưới quyền đi chiếm lại những nơi đó. Giữa tháng 11 năm 1788, quân Thanh tới bờ bắc sông Thương. Quân Tây Sơn rút về bờ nam nhưng chặt phá hết cầu và lấy hết thuyền bè. Theo sách *Thánh vũ ký*, phần "Càn Long chinh phủ An Nam ký" của Ngụy Nguyên, quân Thanh đã tổn thất khá nhiều mới bắc được cầu qua sông do đạn của quân Tây Sơn bắn sang trước khi rút hẳn.

Quân Thanh tiến đến Thị Cầu, Phan Văn Lân đã chặt cầu và tận dụng bờ nam cao hơn bờ bắc mà bắn đại bác sang khiến quân Thanh mất 3 ngày (15 đến 17 - 11) không bắc nổi cầu. Nửa đêm 17 tháng 11, Phan Văn Lân mang quân theo khúc sông Cầu định tập kích trại Tôn Sĩ Nghị nhưng bị thiệt hại do hỏa lực của quân Thanh bắn ra. Sau đó Văn Lân đụng độ tướng Thanh là Trương Triều Long ở Tam Tầng. Quân Tây Sơn ít và yếu thế bại trận, rút lui.

Trong khi đó, lục quân của Ngô Văn Sở cũng rút về tới Ninh Bình cố thủ. Ngày 20 tháng 11, quân Tây Sơn đóng đồn từ Tam Điệp tới Biện Sơn, Ngô Văn Sở cho đô đốc Tuyệt vào nam cấp báo với Bắc Bình vương Nguyễn Huệ.

Tôn Sĩ Nghị tính chuyện truy kích Nguyễn Huệ nhưng Tôn Vĩnh Thanh tâu là Quảng Nam xa cách đô thành nhà Lê 2.000 dặm, dùng quân 1 vạn người thì phải cần 10 vạn phu vận tải, cũng bằng từ Trấn Nam Quan đến thành họ Lê.^[12]

Quân Thanh đóng đồn phòng thủ

Tôn Sĩ Nghị từ Tam Tầng tiến vào Thăng Long. Lê Duy Kỳ từ Kinh Bắc ra đón rồi cùng theo vào kinh thành. Không lâu sau, các đạo quân Vân - Quý và Điền châu cũng tiến vào hội binh.

Theo các nhà nghiên cứu^[9], cuộc hành quân của Tôn Sĩ Nghị từ 28/10 tới 20/11 tức là mất 22 ngày mới tới Thăng Long, lâu hơn nhiều so với thời gian 6 ngày mà Nghị từng dự liệu với Càn Long.

Tôn Sĩ Nghị bố trí quân Thanh đóng ở phía nam tới phía tây thành Thăng Long, cho đạo quân Lương Quảng đóng hai bên bờ sông Hồng, quân Điền châu đóng ở Khương Thượng, quân Vân Quý đóng ở Sơn Tây.

Theo Hoàng Lê nhất thống chí và Khâm định Việt sử Thông giám Cương mục của nhà Nguyễn, quân Thanh ở Thăng Long chèn ép phòng thủ, thường đi cướp bóc hãm hại dân Đại Việt nên bị oán ghét.

Lê Duy Kỳ thực hiện thanh trừng những người hợp tác với Tây Sơn. Theo *Đại Nam thực lục*, Nguyễn Ánh ở Gia Định nghe tin quân Thanh vào Thăng Long cũng sai Phan Văn Trọng và Lâm Đồ mang thư và chở 50 vạn cân gạo ra cho quân Thanh nhưng giữa đường bị bão biển, cả người và gạo đều bị đắm hết.

Tôn Sĩ Nghị ban đầu chủ quan, sau nghe lời cảnh báo của các tướng dưới quyền Lê Duy Kỳ cũng quyết định ngày 6 tháng giêng sẽ ra quân đánh Tây Sơn. Để tăng cường phòng thủ, Nghị bố trí đồn Ngọc Hồi ở Thanh Trì (Hà Nội), đồn Hà Hồi ở Thường Tín (Hà Nội), đồn Nhật Tảo ở Duy Tiên (Hà Nam) và đồn Nguyệt Quyết huyện Thanh Liêm (Hà Nam). Quân Càn vương của Duy Kỳ do Hoàng Phùng Tứ chỉ huy cũng được điều từ Sơn Tây xuống Gián Khẩu làm tiền đồn chặn quân Tây Sơn. Quân Thanh đồng thời cũng tụ tập thêm được các Hoa Kiều sống ở phía Bắc Đại Việt được chừng một vạn người đóng thành một trại, nhóm quân này ý thế đi cướp phá, và hãm hiếp không kiên sợ gì ai^[13]. Dù Tôn Sĩ Nghị có ra sắc lệnh nghiêm quân kỷ nhưng vì quân kiều nên cũng không có tác dụng lắm^[14].

Vua Quang Trung bắc tiến

Ra quân

Bốn ngày từ khi xuất phát tại Biện Sơn, ngày 24/11 đô đốc Tuyết vào tới Phú Xuân cấp báo với Bắc Bình vương Nguyễn Huệ. Ngay ngày hôm sau 25/11, Nguyễn Huệ quyết định ra quân.

Quân đội dưới quyền ông thực ra đã có chuẩn bị tác chiến từ trước. Từ giữa năm 1788, tướng Tây Sơn ở Nam Bộ là Phạm Văn Tham không chống nổi các tướng của Nguyễn Ánh, thành Gia Định thất thủ và sau đó liên tiếp thua trận, đang cố cầm cự ở Ba Thắc. Nguyễn Nhạc tuổi cao lắm bệnh, bất lực không thể cứu ứng Nam Bộ, xin nhường ngôi hoàng đế^[15], đất đai và binh quyền cho Nguyễn Huệ, tự xưng là *Tây Sơn vương* và thỉnh cầu ông vào cứu^[16]. Để chuẩn bị Nam tiến, Nguyễn Huệ tổng động viên binh lính ở Thuận Hoá, ngày đêm tập luyện. Tuy nhiên đạo quân hùng mạnh từ phương bắc trở thành nguy cơ lớn hơn và Nguyễn Huệ quyết định bắc tiến trước.

Ngày 25/11, Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế tại Phú Xuân, lấy niên hiệu Quang Trung và ra lệnh xuất quân.

Một giai thoại được truyền lại về việc Quang Trung lập kế để động viên quân sĩ trước khi ra quân đánh quân Thanh, tại lễ đăng quang ở Phú Xuân.

Sau lúc làm lễ, Quang Trung sai mang đến cái mâm, trên để các đồng tiền, có phủ vải điều, rồi tuyên bố với quân sĩ:

Ba quân hãy cùng ta quan sát, nếu cả hai trăm đồng tiền này đều sấp, thì đó là điềm trời báo chúng ta đại thắng. Ngược bằng, có đồng ngửa, thì đó là đại sự của chúng ta có điều trắc trở.

Nguyễn Huệ chấp tay khăn vái, đặt bưng mâm tiền, cung kính dâng lên cao, rồi hất tung xuống sân. Quân sĩ thấy các đồng tiền nhất loạt đều sấp, reo hò mừng rỡ, tin chắc trận ra bắc sẽ thắng quân Thanh.

Kỳ thực, Nguyễn Huệ đã sai đúc 200 đồng tiền có cả 2 mặt đều là mặt sấp.

Tặng quân ở Nghệ An

Ngày 29/11, quân Tây Sơn đến Nghệ An, đóng lại hơn 10 ngày để tuyển thêm quân, cứ 3 suất dinh lấy 1 suất lính. Sau 1 thời gian ngắn, ông đã bắt được hơn 1 vạn người. Theo *Đại Nam chính biên liệt truyện*, số quân cũ và mới của Quang Trung là 10 vạn và hơn 100 voi chiến.

Về thái độ của dân chúng, sử gia Nguyễn Khắc Thuần trong sách *Đại cương Lịch sử cổ trung đại Việt Nam* ghi thì thanh niên địa phương nô nức gia nhập hàng ngũ Tây Sơn^[17] còn theo sử gia Tạ Chí Đại Trường trong sách *Lịch sử nội chiến Việt Nam 1771-1802* thì trích trong thư giáo sĩ Longer là người đương thời gợi cho Julliard cho biết quân Tây Sơn bắt lính “*gay gắt đến nỗi người ta không biết trốn vào đâu để tránh quân địch. Các kẻ sai nha đem chó theo để tìm người trong khu rừng bên cạnh như người ta tìm thú: người ta lấy dao xia vào các đống rơm dùng để đun nấu*”^[18]

Quang Trung tổ chức duyệt binh và tiến ra bắc. Ngày 20/12, Quang Trung tiến đến Tam Điệp và tán thành chủ trương rút lui của Ngô Thì Nhậm.

Theo sách *Lê triều dã sử*, sở dĩ quân Tây Sơn hành quân nhanh chóng vì Nguyễn Huệ đã bố trí 3 người 1 tốp thay nhau 2 người cáng 1 đi suốt ngày đêm.

Theo *Quân doanh kỳ lược* của Trần Nguyên Nhiếp (là bí thư dưới quyền Tôn Sĩ Nghị), nghe tin thám tử quân Thanh các nơi chạy về báo Nguyễn Huệ đang lấy thêm lính Thanh - Nghệ và sắp đánh ra bắc, Tôn Sĩ Nghị vội cho quân tập dượt để chuẩn bị tác chiến, sai phó tướng Hứa Thế Hanh trực tiếp chỉ huy mặt trận phía nam Thăng Long.

Chia đường xuất phát

Theo các nhà nghiên cứu hiện đại, Quang Trung chia quân làm 5 đạo: tiền, hậu, tả, hữu và trung quân. Ông phân quân cũ cho các tướng còn tự mình chỉ huy số quân mới tuyển để những người lính mới yên tâm chiến đấu. Các giáo sĩ phương Tây khi nhìn thấy đạo quân Tây Sơn này đã mô tả họ tàn tạ như những bệnh nhân do cuộc hành quân gấp gáp (dù họ chưa phải chiến đấu trận nào).

1. Đạo quân do Quang Trung chỉ huy có Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân làm tiên phong, có cả tượng binh và kỵ binh đánh vào chính mặt nam Thăng Long.
2. Đạo quân do đô đốc Tuyết chỉ huy theo đường thủy tiến vào sông Lục Đầu, đánh đồn quân cần vương của Lê Duy Kỳ ở Hải Dương, chặn đường rút của quân Thanh bên kia sông Hồng.
3. Đạo quân đô đốc Lộc chỉ huy cùng đạo quân đô đốc Tuyết theo đường thủy tiến vào sông Lục Đầu, tới đây tách ra đi gấp lên Phụng Nhãn, Lạng Giang chặn đường rút của quân Thanh phía bắc.
4. Đạo quân đô đốc Bảo chỉ huy, cũng có tượng binh và kỵ binh theo đường Ứng Hoà (Hà Tây) ra làng Đại Áng, phối hợp với cánh quân Quang Trung đánh đồn Ngọc Hồi của Hứa Thế Hanh.

5. Đạo quân đô đốc Long chỉ huy, cũng có tượng binh và kỵ binh theo đường Chương Đức, hướng lên Sơn Tây nhưng sẽ rẽ quặt sang làng Nhân Mục tập kích đồn Khương Thượng của Sầm Nghi Đống và tiến vào Thăng Long từ hướng tây. Đến nay, còn nhiều tranh luận chưa đi đến thống nhất giữa các nhà nghiên cứu về người chỉ huy đánh đồn Khương Thượng. Giáo sư Nguyễn Phan Quang trong “Phong trào nông dân Tây Sơn” nêu các giả thuyết khác nhau. Có thuyết cho rằng người chỉ huy là đô đốc Long, có ý kiến cho rằng đó là tướng Đặng Tiến Đông. Lại có ý kiến cho rằng hai người là một; và ý kiến khác cho rằng đô đốc Long thực ra tên là đô đốc Mưu...

Ngày 30 tháng chạp, Quang Trung cho quân ăn tết trước rồi hạ lệnh tiến quân. Ông hẹn với ba quân mỏng 7 tháng giêng âm lịch sẽ vào ăn tết ở Thăng Long.

Quang Trung đại phá quân Thanh

Diệt tiền đồn

Đêm trừ tịch (30 tết), quân Tây Sơn xuất phát. Đạo quân do Quang Trung chỉ huy vượt sông Gián Thủy đánh đồn Gián Khẩu của quân cần vương nhà Lê. Quân Lê tan vỡ, Hoàng Phùng Tử bỏ chạy.

Theo *Đại Nam chính biên liệt truyện*, quân Quang Trung thần tốc tiến lên bắt gọn đám quân Thanh do thám và tiêu diệt các đồn bắc sông Nguyệt Quyết và đồn Nhật Tảo (Duy Tiên). Do đạo quân Tây Sơn hành quân nhanh và các đám quân do thám bị bắt, quân Thanh từ Hà Hồi tới Thăng Long không biết gì về cử động của quân Tây Sơn.

Dụ hàng đồn Hà Hồi, áp sát Ngọc Hồi

Ngày 3 tháng giêng, quân Tây Sơn tiến đến Hà Hồi cách Thăng Long khoảng 20 km. Quang Trung cho quân vây chặt đồn rồi sai bắc loa kêu gọi quân Thanh đầu hàng. Quân Thanh bị bất ngờ trước sự áp sát quá nhanh của quân Tây Sơn, không kịp kháng cự, đều ra hàng.

Ngày 4 tháng giêng, Quang Trung tiến đến đồn Ngọc Hồi. Hứa Thê Hanh ở đây nghe tin đồn Hà Hồi bị diệt vội báo về Thăng Long. Tôn Sĩ Nghị vội điều Thang Hùng Nghiệp mang quân ra tăng viện, lại đặc sai 20 kỵ binh phải thay nhau chạy đi chạy lại báo cáo tình hình.

Nhưng khi tiến quân tới Ngọc Hồi, Quang Trung không đánh ngay. Quân Thanh bị động cũng không dám giao tranh trước nhưng cũng không biết bị đánh khi nào. Cả ngày mùng 4, Quang Trung chỉ cho quân hư trương thanh thế để uy hiếp tinh thần quân Thanh và gây sự chú ý của quân Thanh tới đạo quân do ông chỉ huy vào mặt trận Ngọc Hồi để tạo điều kiện cho yếu tố bất ngờ của các đạo quân đô đốc Long và đô đốc Bảo. Chính Tôn Sĩ Nghị nghe báo cáo của kỵ binh cũng bị hút vào đồn Ngọc Hồi mà không nhận ra nguy cơ từ cánh quân của đô đốc Long.

Diệt đồn Khương Thượng

Khi Quang Trung điều võ ngoài đồn Ngọc Hồi, đô đốc Long đang trên đường bắc tiến hướng đến Sơn Tây – nơi có đạo quân Vân Quý của Ô Đại Kinh – thì bất thần rẽ sang làng Nhân Mục nay thuộc xã Nhân Chính và Khương Đình và nửa đêm bất ngờ tập kích đồn Khương Thượng của Sầm Nghi Đống.

Theo *Thánh vũ ký* của Nguyễn Nguyên, các đội voi của Tây Sơn đều có đại bác trên lưng nã vào đồn. Quân Thanh bị đánh bất ngờ trong đêm tối, chết rất nhiều, tan vỡ bỏ chạy. Sầm Nghi Đống thấy không thể giữ được đồn bèn tự sát trên đài chỉ huy ở Loa

Sơn (Khu vực phố chùa Bộc – Hà Nội hiện nay). Nhà thơ đương thời Ngô Ngọc Du đã làm bài thơ Loa Sơn điều cô có câu:

*Thánh Nam thập nhị kinh nghệ quán
Chiến điệu anh hùng đại võ công*

Dịch:

*Thánh nam xác giặc mười hai đống
Ngòi sáng anh hùng đại võ công*

Khu vực Khương Thượng và xung quanh, do xác quân Thanh chết quá nhiều, sau chắt thành 12 gò cao, có đa mọc um tùm gọi là Gò Đống Đa. Trận diệt đồn Khương Thượng cũng còn gọi là trận Đống Đa.

Tiến vào Thăng Long

Hạ xong đồn Khương Thượng, ngay trong đêm mùng 4, đô đốc Long tiến vào bắn phá đồn Nam Đồng ở phía tây thành Thăng Long. Khi Tôn Sĩ Nghị nhận được tin báo việc đồn Khương Thượng thất thủ thì đô đốc Long đã diệt xong đồn Nam Đồng và tiến vào đánh bản doanh của Nghị ở Thăng Long.

Tôn Sĩ Nghị vội vàng tháo chạy. Các tài liệu cũ đều mô tả cảnh hỗn loạn của quân Thanh. Hoàng Lê nhất thống chí viết:

“Nghị lên ngựa không kịp đóng yên, quân sĩ các doanh nghe tin đều hoảng hốt tan tác bỏ chạy, tranh nhau qua cầu sang sông, xô nhau rơi xuống nước mà chết... Lát sau cầu lại đứt, quân lính bị rơi xuống nước, sông Nhị Hà bị tắc không chảy được...”

Đại Nam chính biên liệt truyện viết:

“Tôn Sĩ Nghị đóng trên bãi cát, được tin bại trận vội vàng cưỡi ngựa một mình chạy về bắc. Tướng sĩ thấy vậy tranh nhau qua cầu mà chạy, cầu đứt, lẫn cả xuống sông, chết đến vài vạn người, làm cho nước sông không chảy được.”

Theo *Thánh vũ ký* của Ngụy Nguyên nhà Thanh:

“Sĩ Nghị chạy trốn qua được bờ bắc sông Phú Lương (Tức sông Hồng) liền cắt đứt cầu phao khiến các đạo quân của Hứa Thế Hanh và Trương Triều Long bị bỏ lại ở bờ nam. Do đó hơn 1 vạn người vừa tướng vừa quân xô nhau nhảy xuống sông để bơi sang bờ bắc và đều bị chết đuối cả”^[19] ^[20].

Lê Duy Kỳ được tin Sĩ Nghị đã bỏ chạy, vội dắt gia quyến chạy theo, ra đến bờ sông thì cầu đã gãy, phải men theo bờ sông phía Nghi Tàm, lấy được chiếc thuyền đánh cá chèo sang được bên kia sông Hồng. Em Duy Kỳ là Duy Chi được sai giữ cửa ô Yên Hoa (Tức Yên Phụ ngày nay) thấy Duy Kỳ đã chạy, cũng bỏ chạy lên Tuyên Quang.

Trận Ngọc Hồi

Sáng mùng 5 tết, khi đô đốc Long tiến vào Thăng Long, Tôn Sĩ Nghị đã bỏ chạy, Quang Trung hạ lệnh đánh đồn Ngọc Hồi. Theo *Đại Nam chính biên liệt truyện*, đồn này được Sĩ Nghị quan tâm phòng thủ nhất, có phó tướng Hứa Thế Hanh đích thân ra chỉ huy. Đồn có hỏa lực mạnh, xung quanh có địa lôi và chông sắt. Để phá hỏa lực địch, Quang Trung làm sẵn 20 tấm mộc đỡ đạn có tấm rơm ướt dàn đi trước.

Theo *Lê quý kỷ sự* và *Việt sử Thông giám cương mục*, mờ sáng mùng 5, 100 voi chiến Tây Sơn tiến lên. Ngựa quân Thanh sợ voi lui lại, giẫm lên nhau, lùi về đồn. Quân Thanh không dám ra nữa, cố thủ trong đồn bắn ra. Quang Trung chia tượng binh làm hai cánh, một cánh vòng qua sau đồn Ngọc Hồi, đóng phía đông đê Yên Duyên để chặn

đường địch rút; cánh kia dùng mộc tầm rom ướn tiến lên hãm đồn. Đại bác quân Thanh bị vô hiệu lực. Quân Tây Sơn tiến vào đồn hỗn chiến. *Đại Nam chính biên liệt truyện* mô tả, quân Thanh không chống nổi chạy tản ra tứ phía, lại giẫm phải địa lôi chính mình đặt từ trước nên bị chết rất nhiều. Đồn Ngọc Hồi bị quân Tây Sơn thiêu cháy.

Quân Thanh từ đồn Ngọc Hồi chạy tới đê Yên Duyên, trông thấy phục binh Tây Sơn chặn đánh, phải chạy theo đường Vành Kiêu^[21] trốn về Thăng Long. Nhưng chạy tới nửa đường thì gặp cánh quân đô đốc Bảo đánh tới từ làng Đại Áng. Quân Thanh phải chạy lên làng Quỳnh Đô^[22] định trốn vào đầm Mực. Theo *Hoàng Lê nhất thống chí*, quân đô đốc Bảo tiến vào đầm Mực tiêu diệt toàn bộ quân Thanh còn lại chạy từ Ngọc Hồi về đây.

Như vậy toàn bộ hệ thống đồn do Tôn Sĩ Nghị thiết lập để phòng thủ ở nam Thăng Long đều bị quân Tây Sơn tiêu diệt. Theo *Thánh vũ ký* của Nguyễn Nguyên, các tướng Hứa Thế Hanh, Trương Triều Long, Thượng Duy Thăng đều tử trận.

Khải hoàn

Cũng theo *Thánh vũ ký*, đạo quân Vân Nam – Quý châu đóng ở Sơn Tây được tin các đồn thất thủ, tướng Ô Đại Kinh không giao chiến trận nào đã bỏ chạy, nhờ tướng người Việt là Hoàng Văn Đồng dẫn đường chạy về Trung Quốc.

Chiều mùng 5 tết, Quang Trung và đô đốc Bảo tiến vào Thăng Long trong sự chào đón của nhân dân, đô đốc Long ra đón rước vào thành. *Đại Nam chính biên liệt truyện* mô tả, áo bào của Quang Trung sạm màu khói súng.

Trên đường tháo chạy, Tôn Sĩ Nghị bị hai cánh quân Tây Sơn của đô đốc Tuyết và đô đốc Lộc chặn đánh ở Hải Dương và Phượng Nhãn, toi tả chạy về, bỏ lại cả quân ấn, kỳ bài, sắc thư. Trần Nguyên Nhiếp là bí thư dưới quyền Nghị sau này mô tả: *Sĩ Nghị cùng Nguyên Nhiếp đi lạc lối, quanh co nhiều chỗ, bị đói khát 7 ngày đêm mới tới ải Nam Quan*. Theo giáo sĩ De la Bissachere ở Việt Nam khi đó, số quân Thanh kịp theo Nghị qua bên kia biên giới chỉ có khoảng 50 người.

Lê Duy Kỳ vội chạy theo Nghị thoát sang bên kia biên giới. Theo *Hoàng Lê nhất thống chí*, quân Tây Sơn đuổi theo và rao lên rằng sẽ đuổi qua biên giới đến khi bắt được Nghị và Duy Kỳ mới thôi. Bởi thế dân Trung Quốc ở biên giới dấy nhau chạy làm cho suốt vài chục dặm không có người.

Như vậy sớm hơn dự kiến, chỉ trong vòng 6 ngày, quân Tây Sơn đã đánh tan quân Thanh. Cánh quân Điền châu gần như bị diệt hoàn toàn, cánh quân Lương Quảng chủ lực bị thương vong nặng và tan rã gần hết, riêng quân Vân Nam – Quý châu không giao chiến mà rút êm về nước. Quang Trung đã hẹn với ba quân mùng 7 vào ăn tết ở Thăng Long nhưng chỉ đến mùng 5, quân Tây Sơn đã khải hoàn ở kinh thành.

Ngô Ngọc Du là một nhà thơ đương thời, đã ghi lại không khí tung bừng của ngày chiến thắng oanh liệt đó của Tây Sơn trong một bài thơ:

*Giặc đâu tàn bạo sang điên cuồng
Quân vua một giận oai bốn phương
Thần tốc ruổi dài xông thẳng tới,
Như trên trời xuống dấm ai đương
Một trận rồng lửa giặc tan tành,
Bỏ thành cướp đó trốn cho nhanh
Ba quân đội ngũ chinh tể tiến,*

*Trăm họ chật đường vui tiếp nghênh
Mây tạnh mù tan trời lại sáng
Đầy thành già trẻ mặt như hoa,
Chen vai khoác cánh cùng nhau nói:
"Kinh đô vẫn thuộc núi sông ta"*

Các đồn bị hạ

- Gián Khẩu
- Yên Quyết
- Nhật Tảo
- Hà Hồi
- Ngọc Hồi
- Khương Thượng
- Nam Đồng

Tể quân Thanh

Sau cuộc chiến, Quang Trung ra lệnh thu nạp và nuôi dưỡng hàng vạn tù binh Mãn Thanh^[23]. Ông sai thu nhặt xương cốt quân Thanh tử trận, chôn thành những gò đồng, lập đàn cúng tế và sai Vũ Huy Tấn soạn văn tế, biểu thị sự thương xót với những quân, dân Trung Quốc chết xa nhà. Bài văn có đoạn:

Nay ta

Sai thu nhặt xương cốt chôn vùi

Bảo lập đàn bên sông cúng tế

Lòng ta thương chẳng kể người phương Bắc

Xuất của kho mà đắp điểm đống xương khô

Hồn các người không vợ vẫn ở trời nam, hãy lên đường mà quay về nơi hương chí

Nên kính ngưỡng ta đây là chủ, chan chứa lòng thành

Nhưng mong sao đáp lại đạo trời, dạt dào lễ sống^[24].

Chiến thuật, hậu quả và ý nghĩa

Chiến thắng Kỷ Dậu 1789 là một trong những trận chiến chống ngoại xâm nổi tiếng nhất trong lịch sử Việt Nam và cũng được các nhà nghiên cứu Việt Nam như Nguyễn Lương Bích và Phạm Ngọc Phụng đánh giá là chiến công oanh liệt nhất của hoàng đế bách chiến bách thắng Nguyễn Huệ^[25]. Chiến thắng này đã chặn đứng ý định xâm chiếm Đại Việt của nhà Thanh dưới thời Càn Long thịnh trị.

Hành quân thần tốc, hạ chớp nhoáng liên tiếp gần 10 đồn, tiêu diệt quân địch đông hơn (theo sử Việt Nam) từ cường quốc phương bắc. Tất cả chỉ diễn ra trong 6 ngày. Yếu tố bất ngờ trong chiến thuật của Quang Trung luôn khiến quân Thanh lâm vào thế bị động. Bất ngờ chiến lược mà ông giành được là đánh địch ở không gian và thời gian do mình lựa chọn^[26].

Đầu tiên là việc ra quân thần tốc. Tôn Sĩ Nghị ban đầu yên tâm với hệ thống đồn phòng thủ liên tiếp nương tựa nhau, định cho quân nghỉ ngơi tới mùng 6 ra quân đánh Tây Sơn. Nhưng Tây Sơn hành quân quá nhanh tới Tam Điệp ngay từ trước Tết nguyên đán buộc Nghị phải thay đổi kế hoạch. Từ chủ định tấn công, Nghị không kịp điều quân thực hiện ý định đó mà phải phòng thủ chờ quân Tây Sơn đến.^[27]

Trong suốt cuộc hành quân bắc tiến, đạo quân chủ lực do đích thân Quang Trung chỉ huy chính là đạo quân giao chiến nhiều nhất. Liên tiếp hạ các đồn Gián Khẩu,

Nguyệt Quyết, Nhật Tảo rồi Hà Hồi, tướng chừng mũi chủ công đang đà thắng trận này sẽ sẵn ngay tới Ngọc Hồi dù nó kiên cố. Thấy quân Tây Sơn tiến nhanh và đã bị choáng váng vì mất liền mấy đồn từ Hà Hồi về phía nam nên quân Thanh sẵn sàng nghênh chiến ở Ngọc Hồi ngoài cửa ngõ Thăng Long. Việc Quang Trung hành quân quá nhanh và hạ các đồn tiền tuyến cũng quá mau lẹ khiến quân Thanh ở Ngọc Hồi bị động, không dám chủ động tác chiến. Nhưng đó chính là lúc biến ảo nhất trong chiến thuật quân sự của Quang Trung tại lần bắc tiến này.

Theo sách của Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng thì mũi tên bay rất nhanh, từng xuyên thủng liên tiếp các rào cản thì bất chợt dừng lại trước đồn Ngọc Hồi^[28]. Quang Trung bất ngờ hoãn binh không đánh, chỉ phô trương thanh thế cho đạo quân của đô đốc Long, tưởng như sẽ đánh thẳng vào đạo quân Vân Quý của Ô Đại Kinh ở Sơn Tây thì lại rẽ bước ngoặt quyết định vào đồn Khương Thượng - sườn tây Thăng Long - chỗ Tôn Sĩ Nghị không ngờ đến. Cuộc tập kích của đô đốc Long bất ngờ và mạnh mẽ tới mức khi đồn Ngọc Hồi – lá chắn tin tưởng nhất của Nghị - chưa mất, Nghị đã bỏ chạy. Việc quân đô đốc Long tung hoành trong kinh thành khiến đồn Ngọc Hồi dù kiên cố song quân Thanh ở đó cũng giảm nhiều nhuệ khí khi kinh thành sau lưng đã bị hạ - không còn được che chắn và tiếp viện từ đại doanh của chủ soái họ Tôn. Mục tiêu trước mắt đạo quân chủ lực của Quang Trung, chỉ sau 1 hôm, lại không còn là trở ngại lớn như ban đầu nữa. Đó mới là lúc ông thúc quân đánh chiếm đồn.

Như vậy là đạo quân chủ lực tác chiến nhiều nhất lại không phải là đạo quân đậm nhất kiểng quyết định vào quân Thanh để giải phóng Thăng Long. Đại doanh tan vỡ, chủ soái Tôn Sĩ Nghị bỏ chạy khiến quân Vân Quý không đánh phải tự rút. Trường hợp này tương tự như đạo quân Vân Nam của Mộc Thanh tháo chạy trong khởi nghĩa Lam Sơn, khi đạo quân chủ lực của Liễu Thăng đã bị diệt.

Theo các nhà nghiên cứu Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng, chiến thuật kết hợp vừa gấp gáp vừa thư thả, giương đông kích tây, tránh chỗ mạnh nhằm chỗ yếu hơn ở Ngọc Hồi – Khương Thượng đã đạt đến đỉnh cao trong nghệ thuật quân sự của Nguyễn Huệ^[29]. Trong 3 đạo quân Thanh, cánh quân đông đảo nhất, mạnh nhất là của Tôn Sĩ Nghị và cánh quân ít nhất, yếu nhất chính là quân Điện châu của Sầm Nghi Đống. Quang Trung đã chọn mục tiêu đánh vào quân Điện châu vừa yếu nhất lại vừa dùng kỳ binh đánh bất ngờ, vào thời điểm nửa đêm nên khả năng chiến thắng rất cao. Xét trên toàn cục, với lực lượng ít hơn, quân Tây Sơn (10 vạn) thực tế chỉ đương đầu với khoảng gần nửa số quân Thanh sang Đại Việt nên lực lượng tương đối cân bằng. Quang Trung đã không dàn lực lượng tác chiến cùng lúc với tất cả các cánh quân Thanh (không đụng quân Vân Quý của Ô Đại Kinh) mà vẫn có chiến thắng lớn trên toàn mặt trận, đuổi được quân Thanh ra khỏi bờ cõi.

Những trận kịch chiến ở Khương Thượng (hay Đống Đa) và Ngọc Hồi là lớn nhất, ác liệt nhất, mang tính quyết định nhất trong toàn bộ chiến dịch bắc tiến đánh quân Thanh của Quang Trung. Vì vậy, mặc dù chiến dịch phá quân Thanh còn nhiều trận đánh khác nhưng đời sau vẫn thường gọi trận chiến này là **trận Ngọc Hồi - Đống Đa**.

Trận Ngọc Hồi - Đống Đa chấm dứt sự tồn tại của nhà Hậu Lê. Lê Duy Kỳ chạy sang lưu vong rồi chết ở Yên Kinh. Vua Tây Sơn – hoàng đế Quang Trung sau đó không lâu chính thức được nhà Thanh công nhận, trở thành người cai quản Bắc Hà.

Chiến thắng này cũng đánh dấu bước phát triển cực thịnh – dù không dài - của nhà Tây Sơn.

Các ý kiến khác nhau về số quân Thanh

Số quân Thanh sang Đại Việt được ghi chép trong các sử sách của Việt Nam, của Trung Quốc, cũng như của phương Tây có những điểm khác biệt rất lớn. Các nhà nghiên cứu Nguyễn Phan Quang, Tạ Chí Đại Trướng, Trần Gia Phụng đã có những tổng hợp về các nguồn tài liệu liên quan tới vấn đề này; nguồn tài liệu do các nhà nghiên cứu Việt Nam dẫn ra khá tương đồng^[30]:

Việt Nam

- Sử sách của Việt Nam như *Việt Sử Thông Giám Cương Mục*, *Đại Nam Thực Lục*, *Lê Quý Kỳ Sự*, *Tây Sơn Thuật Lược*... không ghi chép rõ số quân Thanh.
- Hoàng Lê nhất thống chí có chép lại "Tám điều quân luật" và "Bài hịch" của Tôn Sĩ Nghị. Trong "Bài hịch", Tôn Sĩ Nghị tuyên bố số quân Thanh có 50 vạn. Theo "Tám điều quân luật" thì "mỗi người lính được cấp một tên phu" (điều 8). Vậy số quân Thanh 50 vạn thì số phu cũng 50 vạn và toàn bộ lên đến 1 triệu người.

Hầu hết các nhà sử học đều cho con số đó có tính chất khoa trương lực lượng. Nhưng nó cũng cho ta biết rằng 1 người lính chính quy sẽ có 1 người phu đi theo.

- "Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện sơ tập" (Q.30) và "Nguyễn Thị Tây Sơn Ký" chép số quân là 20 vạn, nhưng không xác định con số đó có bao gồm lực lượng thổ binh, nghĩa dũng và dân phu hay không.
- Tỷ lệ giữa binh lính và dân phu trong các tài liệu cũng không thống nhất. Điều 8 trong "Quân luật" của Tôn Sĩ Nghị quy định 1 lính được cấp 1 phu, trong lúc "Lê Sử Toàn Yếu" và "Minh Đô Sử" của Việt Nam lại chép 1 chiến binh có 3 lương binh phục vụ.
- Bài "*Chiếu phát phối hàng binh, binh nội địa*" của Quang Trung do Ngô Thì Nhậm viết, là tài liệu được công bố ngay sau chiến thắng Kỷ Dậu. Bài chiếu có đoạn viết:

"Tổng đốc Tôn Sĩ Nghị nhà các người sức hèn tài mọn, không biết dụng binh, vô có động binh đem hai mươi chín vạn quân ra ngoài cửa ải, vượt suối trèo non vào nơi hiểm nguy, xua các người, một lũ dân đen vô tội vào chốn mũi tên ngọn giáo. Đó là tội của tổng đốc của các người".

Theo bài chiếu, tổng số quân Thanh là 29 vạn. Theo ý kiến một nhà nghiên cứu Việt Nam là Nguyễn Phan Quang, bài "*Chiếu phát phối hàng binh nội địa*" của Quang Trung là một văn bản chính thức, đương thời, đáng tin cậy.^[31] còn theo ý kiến của 1 người Việt Nam khác là Giáo sư Trần Gia Phụng thì 29 vạn quân tuy do Ngô Thì Nhậm là người trong cuộc viết nhưng đây là một văn thư có tính tuyên truyền nên cũng chưa hẳn sát với thực tế.^[32]

Phương Tây

Một số thương nhân, giáo sĩ phương Tây đến Đại Việt vào khoảng thế kỷ 18, đầu thế kỷ 19 có ghi lại trong hồi ký và thư từ, một ít tư liệu về chiến thắng Kỷ Dậu 1789.

- Một thương nhân Anh là J. Barrow đến Đại Việt năm 1792 lại ghi nhận một số liệu khác, số quân Thanh là 10 vạn.
- Một nguồn thông tin thư từ của một số người nước ngoài sống ở vùng Thăng Long ngay trong thời gian xảy ra trận chiến này. Số thư từ này còn được ghi lại trong tập "Nhật Ký của hội truyền giáo Bắc Kỳ" lưu trữ tại Nha văn khố quốc gia Paris. Một

bức thư gửi từ Thăng Long đề ngày 25/10/1788 phản ánh một "tin đồn" về 30 vạn quân Thanh sắp kéo sang cứu viện cho Lê Chiêu Thống.

- Bức thư của một linh mục trông coi giáo dân ở vùng Thăng Long đề ngày 26-12-1788 cho biết rõ:

"Viện binh Trung Hoa gồm độ 28 vạn người, một nửa đóng trong thành phố, nửa còn lại ở bên kia sông". Theo nhận định của Giáo sư Trần Gia Phụng thì:

Nếu một nửa đóng trong thành phố, nghĩa là có 14 vạn quân Thanh trong thành Thăng Long, thì thành Thăng Long lúc đó có đủ sức chứa, chỗ ở và nuôi ăn hàng ngày cho quân Thanh không? Ngoài ra, theo tài liệu Trung Hoa, quân Thanh mất hết một nửa khi trở về nước, vậy mất hết khoảng 14 vạn (so với 28 vạn khi ra đi), vừa chết vừa mất tích, trốn chạy thì con số này có thích hợp trong một cuộc chiến bằng vũ khí chưa tối tân? Tuy nhiên con số 28 vạn của tài liệu này gần với con số 29 vạn mà Ngô Thời Nhậm đã viết trong "Tờ chiếu phát phối hàng binh người nội địa".^[33]

Theo nhà nghiên cứu Tạ Chí Đại Trường thì:

Còn về số ước tính của giáo sĩ, ta nghĩ rằng họ thấy thanh thế quân Thanh to quá so với cá nhân con người thời loạn trốn chui trốn nhủi như họ và người đương thời, nên đã phóng đại ra...

Một tài liệu khác trong hồi ký của giáo sĩ Pierre-Jacques Lemonnier de la Bissachère (1764-1830) xuất bản tại Pháp năm 1812 cho biết rằng quân Thanh sang Đại Việt khoảng 40.000 người và bị giết tại trận khoảng 20.000 người. Do ông De la Bissachère tới Đàng Ngoài năm 1790-chỉ 1 năm sau trận chiến và ở lại cho đến năm 1798 nên Giáo sư Trần Gia Phụng cho rằng *"có thể ông (de la Bissachère) thu thập được nhiều nguồn tin và lượng định con số quân Thanh sang nước Việt"*^[34].

Trung Quốc

- *Đại Thanh Thực Lục*, bộ sử chính thức của nhà Thanh, ghi chép đầy đủ những lệnh dụ của vua Thanh cho biết toàn bộ quân Thanh được lệnh sang đánh Đại Việt là 18.000, trong đó số quân Lưỡng Quảng do Tôn sĩ Nghị trực tiếp thống lĩnh là 1 vạn và số quân Vân Quý do đề đốc Ô Đại Kinh chỉ huy là 8.000. Đó chỉ mới là số quân chủ lực tinh nhuệ điều động ở bốn tỉnh phía nam, chưa kể số "thổ binh", "nghĩa dũng" và dân phu chuyển vận lương thực. Theo tuần phủ Quảng Tây là Tôn Vĩnh Thanh thì số dân phu phục vụ cho đạo quân Lưỡng Quảng đã hơn 10 vạn.
- Theo bài *An Nam Ký Sự* của Càn Long thì *"số quan quân có hơn một vạn, số phu đài tải lương thực đến hơn 10 vạn"*.
- Trong *"Càn Long chinh vũ An Nam Ký"*, Ngụy Nguyên đời Thanh khoảng vài chục năm sau có chép: *số quân Thanh là 18.000, trong đó đạo quân Lưỡng Quảng là 10.000 và đạo quân Vân Quý là 8.000*. Nhưng Ngụy Nguyên cho biết thêm: *"bấy giờ các thổ binh, nghĩa dũng đi theo, tiếng đồn đại binh có vài chục vạn"*. Như vậy, số quân chủ lực có khoảng 2 vạn chưa tính số "nghĩa binh", "nghĩa dũng" và dân phu vận chuyển có vài chục vạn người. Dù vậy như Ngụy Nguyên cũng nói, đây chỉ là "tiếng đồn".

Theo các nhà nghiên cứu Tạ Trí Đại Trường^[35], Phan Huy Lê^[36], Hồ Bạch Thảo^[37] và Trần Gia Phụng, sử sách nhà Thanh hạ thấp số quân viễn chinh để giảm bớt sự thất bại trầm trọng của triều Thanh. Các sử gia Trung Quốc đó không ghi chép đầy đủ các

lực lượng của toàn bộ quân viễn chinh, nhưng chính những đoạn ghi chép của sử sách nhà Thanh, nhất là bộ *Đại Thanh Thực Lục*, lại bộc lộ nhiều mâu thuẫn: Số quân vài vạn mà *Đại Thanh Thực Lục* ghi không tính đến "thổ binh", "nghĩa dũng" và dân phu^[38]. Hơn nữa, với đạo quân vài vạn thì triều đình nhà Thanh chỉ cử tổng đốc Lương Quảng là Tôn Sĩ Nghị làm thống soái và dưới trướng gồm một loạt võ quan cao cấp như: Đề đốc Phó tướng Hứa Thế Hanh, Đề đốc Ô Đại Kinh, Phó tướng Khánh Thành, Phó tướng Hình Đôn Hạnh; các tổng binh Thượng Duy Thăng, Trương Triều Long, Lý Hóa Long cùng nhiều Tham tướng, Tri phủ, Tri huyện, v.v... Nếu chỉ điều 1 vài vạn quân, Càn Long không phải quan tâm tới mức vài ngày lại ra một chỉ dụ^[39].

Theo Tiến sĩ Nguyễn Duy Chính của Đại học Irvine, Hoa Kỳ thì số trả lương và kế toán của nhà Thanh ghi rằng ở phía Đông (vùng Bắc Việt Nam) họ có 10.000 quân, phía Tây có 8.000 và cộng thêm số theo những nguồn tài liệu khác, cũng không quá 30.000 quân chính quy^[40]. Và cũng trong phân tích này, tiến sĩ có dẫn lại sử gia Ba Lan tên là Wieslaw Olszewski ghi quân Thanh có 200.000 quân (không ghi rõ là loại quân gì) sang nước Việt nhưng không rõ số đánh nhau với Tây Sơn là bao nhiêu^[41].

Theo tính toán của Giáo sư Trần Gia Phụng thì theo chính sử nhà Thanh, hai cánh quân của Tôn Sĩ Nghị và Ô Đại Kinh khi cộng lại có 15.000 người; mỗi quân nhân được quyền đem theo một người phu (điều thứ 8 của quân luật Tôn Sĩ Nghị) thì số người Thanh qua Đại Việt tối thiểu là 30.000, thêm đoàn quân tiếp liệu của Tôn Sĩ Nghị không dưới 10.000 người nên khi cộng lại đã được 40.000 người. Đây là con số tối thiểu, mà thực tế theo ông, phải cao hơn nữa do các tướng lãnh và sĩ quan Thanh chắc chắn mỗi người đem theo hơn một người phu và trước đó để đánh một bộ lạc 150.000 người nhà Thanh huy động đến 8 vạn quân, đại Việt thì dân đông hơn rất nhiều nên con số 1 vạn quân là quá ít^[42]. Tài liệu này khá khớp với tài liệu của giáo sĩ Pierre-Jacques Lemonnier de la Bissachère khi ông cũng ghi lại rằng quân chính quy của nhà Thanh sang Việt Nam năm đó có tối thiểu (đã bị chính sử Trung Quốc ghi chép giảm bớt) 40.000 người. Giáo sư Phụng tin rằng con số quân Thanh có thể còn cao hơn nữa chút ít, tuy nhiên có thể tạm tin được con số 40.000 quân chính quy^[43].

Trong thơ ca

Trong Đại Nam Quốc Sử diễn ca có đoạn nói về vua Quang Trung đại phá quân Thanh như sau:

*Quân Thanh đã được Thăng long,
Một hai rằng thế là xong việc mình.
Dùng dằng chẳng chịu tiến binh,
Nhắc đường phòng thủ, mộng tình đã hoang.
Ngụy Tây^[44] nghe biết sơ phòng,
Giả điều tạ tội, quyết đường cắt quân.
Dặm tràng nào có ai ngăn,
Thừa hư tiến bức đến gần Thăng long.
Trực khu đến lũy Nam đồng,
Quan Thanh dấu mấy anh hùng mà đang?
Vua Lê khi ấy vội vàng,
Cùng Tôn Sĩ Nghị sang đàng Bắc kinh.
Qua sông lại sợ truy binh,*

*Phù kiêu chém đứt, quân mình thác oan.
 Ngán ngơ đến ải Lạng sơn,
 Theo sau còn có quân quan mấy người.
 Cầm tay Sĩ Nghị than giải,
 Vì mình kiến bộ nên người luống công,
 Nhẽ đâu lại giám bận lòng,
 Xin về đất cũ để mong tái đồ.
 Tôn công cũng có tiên trừ,
 Đã dâng một biểu xin cầu viện binh.*

Chú thích

1. Mùa Xuân Nói Chuyện Đồng Đa-GS Trần Gia Phụng trích từ Cao Tông thực lục:*Theo Cao Tông thực lục, cánh quân Lương Quảng do Tôn Sĩ Nghị trực tiếp điều động là một vạn người (10,000). Số quân này chia thành hai khi đến Lạng Sơn. Hai ngàn (2,000) người ở lại Lạng Sơn, còn 8,000 người tiếp tục tiến đánh Thăng Long. Trong sách Thánh vũ ký, Ngụy Nguyên cũng chép lại như thế. Cũng theo Cao Tông thực lục, ở phía tây, để đốc Vân Nam là Ô Đại Kinh đem 5,000 quân qua đường Tuyên Quang. Như thế, theo chính sử Trung Hoa, tổng số quân Thanh cả hai cánh là 15,000 người.*
2. Theo Tìm hiểu thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ, trích dẫn từ Thánh vũ ký của Ngụy Nguyên đời Thanh
3. Trương Hữu Quýnh, Phan Đại Doãn, Nguyễn Cảnh Minh, Đại cương Lịch sử VN, NXB Giáo dục, năm 1997. Trang 442
4. Mùa Xuân Nói Chuyện Đồng Đa-GS Trần Gia Phụng trích:*Tài liệu Tây phương thứ ba của giáo sĩ Pierre-Jacques Lemonnier de la Bissachère (1764-1830) đến Đàng Ngoài khoảng năm 1790, viết trong hồi ký xuất bản ở Paris năm 1812 rằng quân Thanh sang Đại Việt khoảng 40,000 người và bị giết tại trận khoảng 20,000 người. Giáo sĩ De la Bissachère ở lại Đàng Ngoài cho đến năm 1798, nên có thể ông thu thập được nhiều nguồn tin và lượng định con số quân Thanh sang nước Việt.*
5. Quang Trung-Nguyễn Huệ NXB Văn hóa Sài Gòn-Đặng Phương Nghi phần Quang Trung dưới mắt các nhà truyền giáo phương Tây p292
6. Mùa Xuân Nói Chuyện Đồng Đa-GS Trần Gia Phụng trích:*Tài liệu Tây phương thứ ba của giáo sĩ Pierre-Jacques Lemonnier de la Bissachère (1764-1830) đến Đàng Ngoài khoảng năm 1790, viết trong hồi ký xuất bản ở Paris năm 1812 rằng quân Thanh sang Đại Việt khoảng 40,000 người và bị giết tại trận khoảng 20,000 người.*
7. Quang Trung-Nguyễn Huệ, NXB Văn hóa Sài Gòn, Đặng Phương Nghi phần Quang Trung dưới mắt các nhà truyền giáo phương Tây tr. 298
8. Khâm định Việt sử Thông giám cương mục
9. ^{a b} Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng, *Tìm hiểu thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ*, NXB Quân đội nhân dân, 1976
10. Tạ Chí Đại Trường (1973), *Lịch Sử Nội Chiến Việt Nam 1771- 1802*, Sài Gòn: Nhà xuất bản Văn Sử Học, tr. 166 trích: *Ở Lạng Sơn, thấy quân lính dưới quyền trốn mất, Phan Khải Đức ra hàng còn Nguyễn Văn Diễm rút vội về Kinh Bắc hợp với Trần thủ Nguyễn Văn Hoà chống giữ và đưa thư cáo cấp về Thăng Long.*
11. ^{a b} Việt sử Toàn Thư - trang 384.
12. Tập san Sử Địa chuyên đề Quang Trung 1968 tr 252 trích từ Càn Long chinh vũ An Nam ký-Nguyễn Nguyên
13. Tạ Chí Đại Trường (1973), *Lịch Sử Nội Chiến Việt Nam 1771- 1802*, Sài Gòn: Nhà xuất bản Văn Sử Học, tr. 167
14. Tạ Chí Đại Trường (1973), *Lịch Sử Nội Chiến Việt Nam 1771- 1802*, Sài Gòn: Nhà xuất bản Văn Sử Học, tr. 167-168
15. Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng, *Tìm hiểu thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ*, NXB Quân đội nhân dân, 1976, tr 217-219
16. Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng, danh mục tham khảo, tr 216
17. Nguyễn Khắc Thuần (2005), *Đại cương Lịch sử cổ trung đại Việt Nam*, Nhà xuất bản Giáo Dục, tr. 288
18. Tạ Chí Đại Trường (1973), *Lịch Sử Nội Chiến Việt Nam 1771- 1802*, Sài Gòn: Nhà xuất bản Văn Sử Học, tr. 168

19. *Quang Trung - Nguyễn Huệ*, NXB Văn hóa Sài Gòn (2006), tr 89. Bài *Việt Thanh sử chiến* của Hoàng Xuân Hãn, dịch *Thánh Vũ ký* của Ngụy Nguyên
20. Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng, danh mục tham khảo, tr 239
21. Nay là Vĩnh Quỳnh – Thanh Trì – Hà Nội
22. Xã Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì – Hà Nội
23. *Quang Trung - Nguyễn Huệ những di sản và bài học*, NXB Văn hóa Sài Gòn, 2006, tr. 43
24. *Quang Trung - Nguyễn Huệ những di sản và bài học*, NXB Văn hóa Sài Gòn, 2006, tr. 44
25. Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng, danh mục tham khảo, tr 300-301
26. Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng, danh mục tham khảo, tr 265-266
27. Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng, danh mục tham khảo, tr 264
28. Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng, danh mục tham khảo, tr 234
29. Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng, danh mục tham khảo, tr 276
30. Nguyễn Phan Quang - *Một số công trình Sử học Việt Nam*, tr 233-234; Tạ Trí Đại Trường - *Việt Nam thời Tây Sơn* tr 190-192 (Danh mục tham khảo); CHIẾN THẮNG ĐỒNG ĐA - Trần Gia Phụng
31. Nguyễn Phan Quang (2006), *Một số công trình Sử học Việt Nam*, tr 233-234
32. Mùa Xuân Nói Chuyện Đồng Đa -Trần Gia Phụng trích:*Con số hai mươi chín vạn viết trên đây tuy do Ngô Thời Nhậm, người trong cuộc, đưa ra trong một văn thư có tính tuyên truyền, thì cũng chưa hẳn sát với thực tế. Có tài liệu thì viết rằng lực lượng quân Thanh xâm lăng Đại Việt lên khoảng hai mươi vạn tức 200,000 quân.*
33. Mùa Xuân Nói Chuyện Đồng Đa -Trần Gia Phụng
34. Mùa Xuân Nói Chuyện Đồng Đa -Trần Gia Phụng
35. Tạ Trí Đại Trường, *Việt Nam thời Tây Sơn - Lịch sử nội chiến 1771-1802*, NXB Công an nhân dân, 2007, tr 190
36. Một số trận quyết chiến chiến lược trong lịch sử dân tộc
37. Hồ Bạch Thảo, sách đã dẫn, tr 29
38. Nguyễn Phan Quang, sách đã dẫn, tr 233
39. Hồ Bạch Thảo, sách đã dẫn, tr 29
40. Nhắc lại chiến thắng Tết Kỷ Dậu 1789
41. Nhắc lại chiến thắng Tết Kỷ Dậu 1789
42. Mùa Xuân Nói Chuyện Đồng Đa -Trần Gia Phụng..
43. Mùa Xuân Nói Chuyện Đồng Đa -Trần Gia Phụng trích:*Nói tóm lại tài liệu của giáo sĩ La Bissachère, người có mặt ở Thăng Long một năm sau trận đánh, phù hợp với số lượng mà chúng ta đã thử cộng lại số người tối thiểu các cánh quân Trung Hoa theo tài liệu chính sử Trung Hoa. Con số này có thể còn cao hơn nữa chút ít, tuy nhiên có thể tạm tin được...*
44. theo quan điểm của nhà Nguyễn

Tham khảo

- *Thanh Thực lục*, Hồ Bạch Thảo dịch, NXB Hà Nội, 2007
- Nhiều tác giả, *Quang Trung - Nguyễn Huệ những di sản và bài học*, NXB Văn hóa Sài Gòn, 2006.
- Nhiều tác giả, *Quang Trung - Nguyễn Huệ*, NXB Văn hóa Sài Gòn, 2006.
- Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*
- Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam chính biên liệt truyện*
- Ngô gia văn phái, *Hoàng Lê nhất thống chí*
- Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng, *Tìm hiểu thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ*, NXB Quân đội nhân dân, 1976.
- Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*
- GS Nguyễn Phan Quang, *Một số công trình lịch sử Việt Nam*, NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2006
- Tạ Chí Đại Trường, *Việt Nam thời Tây Sơn - Lịch sử nội chiến 1771-1802*, NXB Công an nhân dân, 2007
- Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử Thông giám cương mục*, khoảng năm 1856-1881

Vua Quang Trung dựng nước



Tiền thời vua Quang Trung (Quang Trung thông bảo)

Đổi nội, đổi ngoại

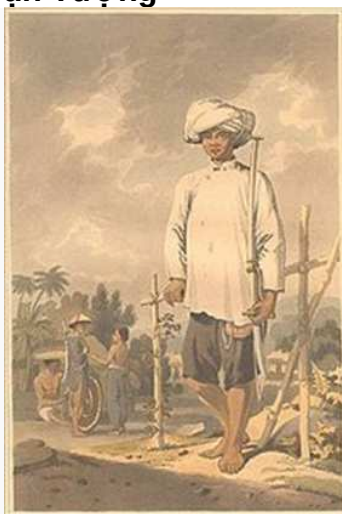
Ngay sau chiến thắng Kỷ Dậu, Quang Trung vội trở lại Phú Xuân để đề phòng Nguyễn Ánh, trao lại binh quyền cho Ngô Văn Sở và Ngô Thì Nhậm.

Một mặt lo chống thù trong giặc ngoài, mặt khác vua Quang Trung rất quan tâm tới việc xây dựng đất nước. Vua khuyến khích người hiền tài ra giúp nước, phân phối đất đai cho những người nông dân nghèo, thúc đẩy thủ công nghiệp từng bị cấm trước kia, cho phép tự do tôn giáo, mở cửa Việt Nam với ngoại thương quốc tế và bỏ chữ Hán như là chữ viết chính thức của quốc gia. Chọn chữ viết chính thức của quốc gia là chữ Nôm.

Về ngoại giao, ngay từ trước khi giao chiến với quân Thanh, Quang Trung đã tính đến chiến lược ngoại giao với nhà Thanh. Theo phương lược vạch sẵn, với tài ngoại giao khéo léo của Ngô Thì Nhậm, Tây Sơn nhanh chóng bình thường hóa bang giao với nhà Thanh. Vua Thanh Càn Long đã cho sứ giả vào tận Phú Xuân để phong vương cho Nguyễn Huệ; rồi hoàng đế Quang Trung giả đã sang triều kiến và dự lễ mừng thọ 80 tuổi của vua Càn Long nhà Thanh.

Việc nhà Thanh công nhận nhà Tây Sơn khiến Lê Duy Kỳ (Chiêu Thống) phải uất hận chết ở Trung Quốc cuối năm 1792.

Dẹp Lê Duy Chi, tấn công Vạn Tượng



Chân dung người lính Tây Sơn của William Alexander ở Hội An năm 1793

Quân Thanh, lực lượng cứu trợ cho nhà Lê bị đánh tan nhưng các lực lượng thân nhà Lê vẫn tiếp tục hoạt động ở phía bắc khiến vua Quang Trung tiếp tục phải đánh dẹp. Em Lê Duy Kỳ là Lê Duy Chi được sự hợp tác của các tù trưởng Hoàng Văn Đồng, Nông Phúc Tấn đẩy mạnh hoạt động ở Cao Bằng, Tuyên Quang. Duy Chi tìm cách liên kết với các tù trưởng người Vạn Tượng (vương quốc Viêng Chăn thời vua (Chao) Nanthasen (tức Chiêu Nan) và vua (Chao) Intharavong Setthathirath III (tức Chiêu Ân)) để chống Tây Sơn. Nước Xiêm La khi đó cũng muốn trả thù Tây Sơn

sau Trần Trạch Gầm - Xoài Mút nên tìm cách không chế nước Vạn Tượng và tràn sang tác động tới các tù trưởng người Việt ở Trấn Ninh, Quy Hợp xứ Nghệ An và liên lạc với cựu thân nhà Lê là Trần Phương Bính^[27]. Mặt khác, Xiêm La cũng liên lạc với Nguyễn Ánh ở Gia Định để cùng Duy Chi tổ chức tấn công Tây Sơn. Theo kế hoạch này, quân Duy Chi sẽ đánh xuống từ Cao Bằng, Nguyễn Ánh đánh lên từ Gia Định, còn quân Vạn Tượng và Xiêm sẽ đánh vào Thanh Hóa, Nghệ An^[28].

Đứng trước nguy cơ bị tấn công từ ba mặt, sau khi thực hiện thành công việc bang giao với nhà Thanh, đầu năm 1791, Quang Trung tập trung đối phó với Lê Duy Chi và quân Vạn Tượng – Xiêm. Ông sai sứ sang Trấn Ninh, Quy Hợp để thăm dò tình hình nhưng bị vua Vạn Tượng bắt giữ và nộp cho Xiêm La. Xiêm La sai sứ mang cờ và trống của Tây Sơn vào Gia Định cho Nguyễn Ánh để khuyến khích Ánh ra quân^[29].

Quang Trung quyết định ra quân. Ông sai hoàng tử Nguyễn Quang Thùy đang trấn thủ Thăng Long cùng các tướng Bắc Hà mang quân đánh Lê Duy Chi; sai Trần Quang Diệu và Lê Trung mang quân đánh Trấn Ninh, Quy Hợp. Quang Thùy đánh lên Cao Bằng nhanh chóng đánh bại và bắt được cả Lê Duy Chi, Hoàng Văn Đồng và Nông Phúc Tấn mang về Thăng Long xử tử.

Ở phía tây, Trần Quang Diệu cũng nhanh chóng diệt được Trần Phương Bính ở ven núi Hồng Lĩnh^[30]. Tới tháng 6 năm 1791, Quang Diệu mang 3 vạn quân sang Trấn Ninh bắt được các tù trưởng thiệu Kiều, thiệu Đế. Tháng 8 năm đó, Quang Diệu đánh bại Quy Hợp. Tháng 10, quân Tây Sơn tiến sang Vạn Tượng. Vua Vạn Tượng là Chao Nan (Chao Nanthasen) không chống nổi phải bỏ trốn sang Xiêm. Quang Diệu tiến vào Viên-chăn đến tận biên giới Xiêm, các tướng Vạn Tượng là tả phan Dung, hữu phan Siêu tử trận.

Nguyễn Ánh ở Gia Định không dám ra quân^[31]. Chân Lạp là đồng minh của Tây Sơn cũng chuẩn bị lực lượng để phối hợp nếu quân Tây Sơn vượt biên giới Vạn Tượng tiến vào Xiêm hoặc Gia Định khiến các giáo sĩ ở Gia Định lo sợ, chuẩn bị tìm đường chạy^[32]. Nhưng Trần Quang Diệu đi đánh xa lâu ngày, được lệnh rút về.

Đầu năm 1792, quân Tây Sơn trở về Đại Việt. Không lâu sau, lực lượng phù Lê của Trần Quang Châu ở Kinh Bắc cũng bị tiêu diệt.

Giữa năm 1792, Quang Trung đã gửi thư đến Càn Long cầu hôn một nàng công chúa Thanh triều và "xin" hai tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây. Ông cũng sai đô đốc Vũ Văn Dũng làm chánh sứ sang triều kiến vua Càn Long. Tuy nhiên, dự định không thực hiện được vì cái chết đột ngột và bí ẩn của ông. (Xem bài viết về Nguyễn Huệ)

Sự sụp đổ của nhà Tây Sơn

Huynh đệ tương tàn



Thạp đồng làm vào năm 1800 (năm thứ 8 niên hiệu Cảnh Thịnh)

Kể từ năm 1787, với sự giúp đỡ mạnh mẽ hơn của người Pháp thông qua giám mục Pigneau de Béhaine (tức Bá Đa Lộc), Nguyễn Ánh quay trở lại Gia Định. Trong lúc Nguyễn Huệ bận đối phó tình hình Bắc Hà, Nguyễn Lữ qua đời, Nguyễn Nhạc bắt lữ, Ánh nhanh chóng chiếm lại đất đai ở Nam Bộ rồi đánh lần ra Diên Khang, Bình Thuận - đất của Nguyễn Nhạc. Nguyễn Nhạc già yếu không cứu được chỉ còn lo giữ Quy Nhơn, Quảng Ngãi, Phú Yên. Khi nghe tin quân Thanh giúp Chiêu Thống sang đánh Tây Sơn, Ánh từng sai người chở 50 vạn cân gạo ra giúp nhưng thuyền đi giữa đường bị đắm hết^[33].

Vua Quang Trung đang định chuẩn bị phối hợp với vua anh đem quân vào Nam đánh Gia Định thì qua đời (1792), con là Nguyễn Quang Toàn còn nhỏ tuổi lên nối ngôi, tức là vua Cảnh Thịnh. Nhà Tây Sơn nhanh chóng suy yếu. Nội bộ xảy ra tranh chấp, quyền hành rơi vào tay ngoại thích Bùi Đắc Tuyên.

Năm 1793, Nguyễn Ánh đem quân đánh Nguyễn Nhạc. Vua Thái Đức cầu cứu Phú Xuân. Quang Toàn sai Ngô Văn Sở, Phạm Công Hưng đem 17.000 quân và 80 thớt voi vào cứu, quân Nguyễn Ánh rút lui. Quân Phú Xuân nhân đó lại đánh chiếm luôn đất đai của vua Thái Đức. Lúc đó Nguyễn Nhạc đang bệnh trên giường, nghe tin cơ nghiệp của con mình là Quang Bảo bị chiếm mất uất quá thổ huyết mà qua đời. Quang Toàn an trí Quang Bảo ra huyện Phù Ly và cai quản toàn bộ đất đai của vua bác.

Tuy nhiên nội bộ Tây Sơn lại mâu thuẫn, các tướng tranh quyền. Vũ Văn Dũng giết Bùi Đắc Tuyên và Ngô Văn Sở (1795), Quang Toàn không làm gì được. Trần Quang Diệu đang đi đánh Nguyễn Ánh, nghe tin bị nghi oan đành rút quân về, định cùng với Lê Trung phé Quang Toàn lập Quang Thiệu. Việc không xong, Quang Thiệu và Trung bị giết, Trần Quang Diệu hòa giải với Vũ Văn Dũng.

Tây Sơn suy sụp

Biến loạn tạm thời dẹp yên nhưng đã làm chính quyền Tây Sơn suy sụp. Do Quang Toàn đã giết Lê Trung trong vụ biến loạn tại Phú Xuân nên con rể Trung là Lê Chất bỏ sang hàng Nguyễn Phúc Ánh^[34]. Ánh nhân thời cơ đó ra sức Bắc tiến.

Năm 1800, Nguyễn Ánh chiếm được Quy Nhơn, tướng Vũ Tuấn đầu hàng. Quang Toàn sai Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng đem quân vào chiếm lại. Tướng của Nguyễn Ánh là Võ Tánh tử thủ cầm chân hai danh tướng Tây Sơn trong hơn một năm. Năm 1801, Nguyễn Ánh nhận thấy tinh binh Tây Sơn đều tập trung cả ở chiến trường Quy Nhơn nên mang quân chủ lực vượt biển ra đánh Phú Xuân. Quang Toàn thua trận bỏ chạy ra Bắc.

Đầu năm 1802, Tây Sơn chiếm lại thành Quy Nhơn, Võ Tánh tự vẫn. Nhưng lúc đó Nguyễn Ánh đã ồ ạt Bắc tiến tới Nghệ An. Trần Quang Diệu vội mang quân ra cứu, bị quân Nguyễn chặn đường, phải vòng qua đường Vạn Tượng (Lào). Tới Nghệ An thì thành đã mất, quân sĩ bỏ chạy gần hết, vợ chồng Trần Quang Diệu - Bùi Thị Xuân bị bắt, Vũ Văn Dũng không biết trốn đi đâu^[35].

Giữa năm 1802 Nguyễn Ánh tiến ra chiếm được Thăng Long, Quang Toản không chống nổi, bỏ chạy và bị bắt. Nguyễn Ánh đã trả thù gia đình Quang Toản những người theo Tây Sơn vô cùng tàn bạo^[36].

Về vấn đề thống nhất quốc gia cuối thế kỷ 18



Tiền thời vua Cảnh Thịnh (Cảnh Thịnh thông bảo)

Giáo sư Nguyễn Phan Quang đã tập hợp ý kiến của các nhà nghiên cứu về vấn đề "Nguyễn Huệ và Nguyễn Ánh - ai thống nhất quốc gia" như sau^[37]:

- 1) Ý kiến của Nguyễn Phương: "Nguyễn Ánh là cha đẻ của nước Việt Nam", là "người tiêu biểu cho tinh thần ái quốc", "là một anh hùng dân tộc". Và tác giả khẳng định: "Nếu Nguyễn Ánh không còn có công nào khác - mà thực sự còn nhiều - ngoài công cuộc thống nhất Việt Nam, thống nhất lãnh thổ và tinh thần ái quốc, thì với bấy nhiêu thiết tưởng ông đã đủ đáng được mọi người dân Việt Nam biết ơn rồi vậy". So sánh với Nguyễn Huệ, tác giả viết: "Chẳng những Nguyễn Huệ chưa phục vụ gì cho việc thống nhất, mà trái lại đã giúp đắc lực vào việc chia cắt đất nước ra một cách sâu xa hơn thời Trịnh Nguyễn". Còn Nguyễn Ánh "chẳng những đã thống nhất Việt Nam về địa lý mà còn thống nhất về tinh thần ái quốc" (Tạp chí Bách Khoa, số 149).
- 2) Ý kiến Tân Việt Điều: Tác giả có thừa nhận chút ít đóng góp của Tây Sơn khi cho rằng: "Tây Sơn là những tay thợ đã dọn quang đường những chướng ngại vật để sau này Gia Long thân chinh đi đến thống nhất", nhưng lại khẳng định: "Nguyễn Ánh mới là người đem tất cả tâm huyết, tất cả tài đức ra để thống nhất nước Việt... Sở dĩ Nguyễn Ánh thắng được Cảnh Thịnh, một phần lớn là nhờ vào cái địa thế "phụng chủ lân châu và "long bàn hổ cứ" của miền Nam rất thuận lợi để làm bàn đạp cho cuộc Bắc tiến, nhằm mục đích thống nhất lãnh thổ" (Văn Hóa nguyệt san, số 64).
- 3) Ý kiến Tạ Chí Đại Trùng: Vận dụng luận điểm "sức mạnh Nam hà kết hợp với sức mạnh Tây phương", tác giả giải thích: "Trong lịch sử của họ, Tây Sơn đã xô đổ được Nam hà, rồi không tìm được đồng minh bên ngoài, bên trong lại hãnh diện về sức mạnh quân lực, họ không tìm được cách tổ chức khai thác những khả năng địa phương để tâm phục lâu dài dân chúng. Quay ra Bắc hà, họ lại chui đầu và trong cái rối rắm mà người trước đã gỡ không ra vì sự cằn cỗi của đất đai, vì không khí bảo thủ lâu đời khó tẩy xóa của sinh hoạt vua, quan, dân chúng". Cho nên, theo tác giả, cái ngày Nguyễn Ánh thắng Tây Sơn, chiếm được Bắc hà cũng là ngày "đóng hết một giai đoạn rối rắm, tàn bạo". Và tác giả gói ghém ý tưởng của mình như sau:

"Ngày 20 tháng 7, Nguyễn Ánh ra tới Thăng Long, đặt chân lên nơi mà hơn 200 năm trước tổ tiên ông phải giả tiếng mới về Nam được. Thăng Long, Thanh Hóa, Phú Xuân, Gia Định, rồi nổi vòng Gia Định, Phú Xuân, Thăng Long, con đường thật dài, thật đầy gian nan cực nhọc mà cũng đầy vinh quang. Đất nước mệt mỏi vì chiến tranh, nay đã tìm được đường thoát trong thống nhất, yên nghỉ..." (Lịch sử nội chiến Việt Nam từ 1771 đến 1802 - Sài Gòn, 1971).

- 4) Ý kiến Lê Thành Khôi: Năm 1955, trong cuốn *Le Việt Nam, histoire et civilisation* xuất bản ở Paris, tác giả cho rằng phong trào Tây Sơn "chỉ mới dọn đường cho sự khôi phục nền thống nhất dân tộc mà Nguyễn Ánh sẽ thực sự hoàn thành vào đầu thế kỷ XIX". Vẫn theo tác giả, "một nước gọi là thống nhất khi chỉ có một chính quyền trong bờ cõi". Từ luận điểm trên, tác giả đối chiếu các niên đại và thấy rằng: năm 1786 tồn tại 4 chính quyền (Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ và vua Lê), năm 1788 tồn tại 3 chính quyền (Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ và Nguyễn Ánh), năm 1794 vẫn còn hai chính quyền (Nguyễn Quang Toàn và Nguyễn Ánh), đến năm 1802 "Gia Long thắng Cảnh Thịnh, chỉ còn một chính quyền của nhà Nguyễn, lúc bấy giờ nước Việt Nam mới thống nhất". Năm 1981, Lê Thành Khôi tái bản cuốn sách trên với nhiều bổ sung, đổi tên sách là *Histoire du Vietnam des origines à 1858* và vẫn giữ luận điểm cũ khi tác giả viết: "Nếu chỉ cần vượt giới tuyến là thống nhất đất nước rồi, thì công... đó phải thuộc về họ Trịnh khi quân Trịnh vượt sông Gianh năm 1774 và vào Huế năm 1775", và "[thời Tây Sơn] không những đất nước chưa trở lại hòa bình thống nhất, mà nội chiến vẫn tiếp tục khi ở Bắc khi ở Nam, và thanh niên lại đổ máu". Cuối cùng, "sự bất hòa của anh em Tây Sơn đã cho phép Nguyễn ánh trở về Gia Định và tổ chức việc khôi phục nhà nước của mình. Cuộc chiến tranh lâu dài và đẫm máu, khi thắng khi bại diễn ra trong 15 năm trước khi kết thúc vào năm 1802 với thắng lợi của họ Nguyễn và sự thống nhất hoàn toàn nước Việt Nam".
- 5) Ý kiến Đỗ Bang: "Nguyễn Huệ, lãnh tụ của phong trào Tây Sơn, sau khi giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Xiêm (1785) đã đi từ Nam ra Bắc bằng sự nghiệp vượt sông Gianh năm 1786, xóa bỏ Đàng Trong và Đàng ngoài, thủ tiêu chế độ thống trị của hai họ Trịnh - Nguyễn chia cắt đất nước. Nguyễn Huệ có nhiều nỗ lực củng cố nền thống nhất và củng cố độc lập dân tộc trong những năm sau đó nhưng vẫn không vượt qua được những hạn chế phân phong nghiệt ngã trong nội bộ vương triều Tây Sơn, và cũng là cơ hội để Nguyễn Ánh trở lại củng cố thế lực ở đất Gia Định. Sau ngày Quang Trung chết (1792), thế lực Nguyễn Ánh ngày càng mạnh, năm 1801 chiếm Phú Xuân. Năm 1802, Nguyễn Ánh ra Bắc tiêu diệt lực lượng Tây Sơn còn lại, hoàn thành công cuộc thống nhất đất nước. Vậy thống nhất đất nước là một quá trình đấu tranh gay go, mà sự kiện xóa bỏ Đàng Trong, Đàng Ngoài năm 1786 là sự kiện vĩ đại và có ý nghĩa nhất. Sự kiện năm 1802 là sự kiện kết thúc, hoàn thành công cuộc thống nhất. Nguyễn Huệ, Nguyễn Ánh là hai đối thủ không đội trời chung, nhưng cùng chung số mệnh là đấu tranh "thống nhất sơn hà", thực hiện niềm khát vọng của nhân dân sau hơn 200 năm nội chiến, chia cắt". Trong *Kỷ yếu HTKH phú Xuân - Thuận Hóa thời Tây Sơn* (Huế, tháng 12-2001), tác giả Đỗ Bang nói thêm: "[từ Phú Xuân Thuận Hóa] phong trào Tây Sơn lớn mạnh phát triển ra toàn quốc, đã xóa bỏ chế độ thống trị vua Lê - chúa Trịnh, chấm dứt tình trạng cát cứ

Đàng Trong - Đàng Ngoài, lập lại nền thống nhất đất nước, quét sạch 29 vạn quân xâm lược Mãn Thanh vào đầu xuân Kỷ Dậu (1789)". Ở một đoạn khác, tác giả dẫn ý kiến của nhà nghiên cứu Lê Quý Thi cho rằng: việc Nguyễn Huệ vượt qua sông Gianh ra Đàng Ngoài "là một hành động hợp với quy luật lịch sử, cũng là một hành động vượt qua chính mình của cuộc khởi nghĩa nông dân Tây Sơn".

- 6) Ý kiến GS. Phan Huy Lê: Khái quát toàn bộ sự nghiệp của phong trào Tây Sơn, tác giả viết: "Đó là sự nghiệp lật đổ chính quyền họ Nguyễn ở Đàng Trong, chính quyền chúa Trịnh cùng chế độ vua Lê - chúa Trịnh ở Đàng Ngoài, đánh tan quân xâm lược Xiêm ở phía Nam, quân xâm lược Thanh ở phía bắc, bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc, xóa bỏ tình trạng chia cắt đất nước kéo dài trên hai thế kỷ, bước đầu lập lại nền thống nhất quốc gia, xây dựng vương triều Tây Sơn trong đó triều Quang Trung đã đề ra và thực thi nhiều chính sách tích cực..." (Kỷ yếu HTKH "Phú Xuân - Thuận Hóa - thời Tây Sơn" - Huế, tháng 12-2001).
- 7) Ý kiến Phan Thuận An: "Nguyễn Huệ, người anh hùng kiệt xuất của thời đại ấy đã lần lượt phá tan từng mảng xã hội mâu thuẫn, bất công, nhiều nhưng từ Nam ra Bắc để bước đầu đưa đất nước đến chỗ thống nhất" (Kỷ yếu HTKH "Phú Xuân - Thuận Hóa thời Tây Sơn" - Huế, tháng 12-2001).
- 8) Ý kiến GS. Trần Văn Giàu: "Phần đóng góp của Nguyễn Huệ vào hệ thống tư tưởng yêu nước Việt Nam là ý thức về sự nghiệp thống nhất nước nhà (...). Từ năm 1527, Đại Việt bị phân liệt. Tình trạng phân liệt kéo dài đến gần cuối thế kỷ 18, hơn 200 năm (...). Mạc, Trịnh, Nguyễn, không ai có tư tưởng thống nhất, tất cả họ chỉ có ý đồ xâm chiếm lẫn nhau. Cứ như thế ấy thì cái họa xâm lăng ắt khó tránh. Nội chiến chỉ chấm dứt khi khởi nghĩa Tây Sơn thắng lợi, lần lượt đánh đổ cả hai chúa Nguyễn, chúa Trịnh, đánh đổ luôn vua Lê, trong Nam thì đuổi quân Xiêm, ngoài Bắc thì đuổi quân Thanh, lãnh tụ Tây Sơn đường đường chánh chánh lên ngôi hoàng đế, vua Càn Long nhà Thanh dù mới đại bại (hay là vì đại bại) mà phải công nhận Quang Trung là vua nước Việt Nam (...). Trong việc lập lại sự thống nhất sau thời gian phân liệt kéo dài thời Lê mạt, thì người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ là vĩ nhân đã khởi xướng và bắt đầu thực hiện sự nghiệp ấy" (Sự hình thành về cơ bản của hệ thống tư tưởng yêu nước Việt Nam - Tham luận tại Hội thảo Việt Nam học tại Hà Nội, tháng 7-1998).

- 9) Giáo sư Trần Văn Giàu còn cho rằng:

"Ngày xưa không phải là không có ý thức thống nhất, nhưng phải hiểu rằng ý thức thống nhất lúc bấy giờ là thôn tính theo lối phong kiến"^[38].

Ý kiến GS. Hoàng Xuân Hãn: "Về Quang Trung, cái công đánh bại Tôn Sĩ Nghị ở Thăng Long, cái công ấy rất to... Chứ còn trong anh em (viết sử) sau này thường cứ nói rằng là: Công thống nhất nước Việt Nam là Tây Sơn, tức là Quang Trung, đối với tôi thì tôi không đồng ý. Cái sự quân Tây Sơn có đánh bại quân Xiêm ở Rạch Gầm cũng là một sự thực. Đánh bại quân Thanh ở Thăng Long cũng là một sự thực. Nhưng hai cái thắng trận ấy không phải là đồng thời, mà trái lại, có thể nói cái hồi mà vua Quang Trung ở ngoài Bắc thì Nguyễn Nhạc còn đang chiếm vùng giữa, vùng trong thì lúc ấy nhà Nguyễn đã chiếm cả trong Nam rồi. Không phải là thống nhất. Đây chỉ là đánh được giặc ở Nam, đánh được giặc ở Bắc. Nếu ông ấy sống lâu nữa, có lẽ sẽ thống nhất; nhưng vì ông chết sớm thành ra không thống nhất được" (Đài phát thanh Quốc tế của

Pháp [RFI] phỏng vấn Hoàng Xuân Hãn - Tạp chí Xưa và Nay trích đăng trên số 3-1-1997 với tựa đề "Học giả Hoàng Xuân Hãn nói về Hoàng đế Quang Trung".

- 10) Ý kiến Đặng Thành Nam: "Việc đất nước chia đôi là do Trịnh Nguyễn phân tranh suốt trong hai thế kỷ. Khi nhà Tây Sơn nổi lên...; Nguyễn Ánh phải chạy qua Xiêm lưu vong và cầu cứu ngoại bang. Cuối cùng ai là người diệt được nhà Trịnh mà suốt 200 năm nhà Nguyễn không những không làm gì được mà còn bị mất kinh đô về tay nhà Trịnh nữa. Chính Nguyễn Huệ đã diệt Trịnh, đuổi Thanh (...) chấm dứt việc hai trăm năm đất nước bị chia đôi, đưa đến việc thống nhất đất nước về cơ bản (...). Việc Gia Long rước hàng vạn quân Xiêm về giết dân, tàn phá đất Nam Bộ, bị Quang Trung đánh chạy thực mạng ở Rạch Gầm kia đâu phải là chuyện tuyên truyền chính trị. Việc Gia Long nhờ vũ khí, nhờ đại bác của Pháp, nhờ chính bọn đánh thuê, bọn cha cố phương Tây để chiếm lấy đất nước đâu phải là chuyện bịa đặt!" (Về những hiện tượng bất thường trong văn học và sử học - Báo Công An Tp.Hồ Chí Minh, 21-5-1998, tr.18).
- 11) Ý kiến Jean Chesneaux: "(...) Sự kiện lớn nhất dường như việc khôi phục thống nhất đất nước, việc xóa bỏ sự chia cắt đất nước thành hai vương quốc đối địch. Chính là Tây Sơn chứ không phải là nhà Nguyễn ở thế kỷ XIX, như người ta thường gán cho họ, đã có công trong việc xây dựng một nước Việt Nam thống nhất; dù chia ra các miền khác nhau nhưng vẫn cùng một mục đích... Niềm kiêu hãnh khôi phục lại uy danh của nước Việt Nam thể hiện rõ trong bài hịch [Hịch Tây Sơn]" (*Contribution à l'histoire de la nation vietnamienne* - Paris 1955, tr.37).
- 12) Ý kiến Joseph Buttinger: Trong cuốn *The Smaller Dragon* (New York, 1962), tác giả viết: "Khi Hà Nội thất thủ trước chính quyền mới ở Đàng Trong [ý nói: Tây Sơn], Việt Nam đã trở lại thống nhất (...). Triều đại Tây Sơn ngắn ngủi, song nền thống nhất của Việt Nam tồn tại suốt cho đến lúc đương triều cuối cùng của nó bị lật đổ vào năm 1802 trước những lực lượng mới trỗi dậy từ phương Nam. Nhưng đây lại là một phần của câu chuyện khác: khi nhà Tây Sơn đổ, vận mệnh Việt Nam được đặt dưới ảnh hưởng của những lực lượng phương Tây đưa vào châu Á".

Mười hai ý kiến trên chia thành 4 luồng:

1. Khẳng định công thống nhất thuộc về Nguyễn Ánh.
2. Khẳng định công thống nhất thuộc về Nguyễn Huệ.
3. Công mở đầu công cuộc thống nhất là của Nguyễn Huệ nhưng hoàn thành thống nhất là do Nguyễn Ánh.
4. Nguyễn Huệ và Nguyễn Ánh không ai là người thực hiện sứ mệnh thống nhất đất nước mà chỉ có thôn tính lẫn nhau theo kiểu phong kiến.

Danh sách các vua nhà Tây Sơn

Nhà Tây Sơn từ khi vua Thái Đức lên ngôi năm 1778 đến khi Cảnh Thịnh bị bắt năm 1802 được tất cả 24 năm, có 3 vua:

1. Thái Đức đế [Nguyễn Nhạc](#) (1778 - 1793)
2. Thái Tổ Vũ hoàng đế [Nguyễn Huệ](#) - Quang Trung (1788 - 1792)
3. Cảnh Thịnh đế [Nguyễn Quang Toản](#) (1792 - 1802)

Nếu tính từ khi Nguyễn Nhạc khởi binh từ năm 1771 thì cộng tất cả là 31 năm.

Nhận định



Cây me cổ thụ trong vườn nhà Tây Sơn Tam Kiệt (Bảo tàng Quang Trung, Bình Định, Việt Nam).

Thời Tây Sơn chính là một trong những thời kỳ nhiều biến động nhất trong lịch sử Việt Nam trên khắp phạm vi lãnh thổ, thậm chí cả những biến cố bên ngoài biên giới có liên quan (Campuchia, Lào, Trung Quốc). Chiến tranh liên miên kéo dài suốt 30 năm từ khi Tây Sơn nổi dậy cho tới cuối thế kỷ 18, đầu thế kỷ 19, khi nhà Tây Sơn bị tiêu diệt thì chiến tranh mới kết thúc. Toàn bộ các cuộc chiến lớn nhỏ đều có sự tham gia của quân Tây Sơn.

Sách *Đại Nam thực lục* của nhà Nguyễn chép lại lời tâu của bề tôi Nguyễn Ánh về Tây Sơn:

"Kẻ kia, Nhạc, Huệ, anh em từ dân áo vải, không tác đất cắm dùi, vờn tay hô một tiếng, người theo có cả vạn, chẳng đầy 5-6 năm mà có được nước. Họ không có quá tài đức của người thì vì lẽ gì mà lại hưng thịnh dữ dội như vậy?"^[39]

Còn quyển *Lịch sử Việt Nam* của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1971 đã viết: "Còn công lao Tây Sơn đối với lịch sử là rất vĩ đại, nhân dân Việt Nam sẽ nhớ mãi. Họ kế tục, phát triển và đưa sự nghiệp của Quang Trung tiến lên ngang tầm với tầm vóc của thời đại, khi ngọn cờ giải phóng dân tộc sẽ chuyển sang tay giai cấp lịch sử tiên tiến nhất, dân tộc Việt Nam cùng với loài người tiến bộ sẽ chiến thắng chủ nghĩa đế quốc và mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử thế giới"^[40].

Theo nhà nghiên cứu phương Tây Geogres Dutton thì:

"Sau Thế chiến thứ hai, và trong buổi đầu của cuộc cách mạng cộng sản với những liên hệ chặt chẽ với nông thôn Việt Nam, việc xây dựng hình ảnh Tây Sơn với đặc điểm là một "cuộc nổi dậy của nông dân" hoặc một "phong trào nông dân" bắt đầu xuất hiện trong nghiên cứu của Việt Nam. Các học giả đã nhiệt tình mô tả cuộc nổi dậy của Tây Sơn hoặc như một cuộc "cách mạng", hoặc một cách trung lập hơn, là một "phong trào nông dân."

"Trong cách nghiên cứu sử học về Tây Sơn này, nông dân nổi lên như một biểu tượng anh hùng, cao thượng và không biết sợ hãi, quyết tâm theo đuổi mục tiêu công bằng kinh tế và xã hội, và vì một đất nước thống nhất không bị ngoại bang can thiệp"^[1].

"Chính những cách diễn giải này, mà phần lớn được các sử gia cộng sản công bố vào nửa sau thế kỷ 20, thống trị toàn bộ diễn ngôn về thời Tây Sơn"^[2].

Về võ công

Hiếm có một triều đại nào trong lịch sử Việt Nam lập được nhiều chiến tích đến thế trong một thời gian ngắn kể từ khi khởi sự như nhà Tây Sơn. Từ Nam ra Bắc, Tây Sơn đánh đổ cả chính quyền cai trị sở tại lẫn ngoại viện hùng mạnh từ nước ngoài do tàn dư của các thế lực cũ rước vào. Điều đáng nói hơn là trong số những chiến tích võ công đó có nhiều chiến thắng hiển hách, vang dội, nổi tiếng trong lịch sử dân tộc.

Nổi bật trong ba anh em Tây Sơn là Nguyễn Huệ với tài năng kiệt xuất. Hầu hết chiến thắng của nhà Tây Sơn gắn liền với tên tuổi ông. Vua Quang Trung ngoài việc đánh đổ nhà Lê cùng các dòng họ Trịnh, Nguyễn còn có ý tấn công nhà Thanh nhằm vẽ lại bản đồ Việt-Hoa, nhưng cái chết đột ngột của ông khiến dự định không thể thực hiện.

Về văn trị

Sau khi định đô ở Quy Nhơn, vua Thái Đức không có đóng góp gì đáng nói về văn trị. Văn trị nhà Tây Sơn vẫn chủ yếu là thành tựu của vua Quang Trung nhờ ông biết trọng dụng nhân tài. Việc khuyến khích phát triển kinh tế và dùng chữ Nôm chứng tỏ ông không chỉ là một người lãnh đạo "vô biên" đơn thuần. Đánh Xiêm, Thanh, nhưng cũng ngay lập tức, Quang Trung chú trọng nối lại hòa bình bằng ngoại giao với các nước này, dù sau đó ông cũng có âm mưu thôn tính cả Trung Hoa. Tuy nhiên, thời gian trị vì của ông quá ngắn ngủi khiến tác dụng của những biện pháp cai trị của ông chưa có hiệu quả rõ nét và kế hoạch tấn công Trung Hoa của ông coi như đổ sông đổ biển.

Đáng chú ý là việc trọng dụng chữ Nôm đã biểu lộ tinh thần quốc gia mãnh liệt. Quang Trung tuy trọng khoa cử, chữ Nho vẫn được dùng nhưng trong chiếu, biểu, sắc, dụ, thi phú, văn Nôm đã được đặt vào một địa vị quan trọng^[41].

Vốn là con người có óc thực tế, vua Quang Trung sau khi lên ngôi liền nghĩ ngay việc đúc tiền bằng đồng để tiêu dùng trong nước và có sự thuận tiện trong việc thương mại. Năm Quang Trung thứ tư (1791) do cần chuẩn bị việc đánh Mãn Thanh, nhà vua đã cho đi thu gom các đồ bằng đồng tốt trong nước để đem làm binh khí và đúc tiền cho rộng tài nguyên^[42].

Nguyên nhân thất bại

Với sự xuất sắc của nhà lãnh đạo, tài năng của các tướng lĩnh và sự ủng hộ rộng rãi của dân chúng, Tây Sơn đã tiêu diệt rất nhiều kẻ thù. Đặc biệt dưới quyền chỉ huy của Nguyễn Huệ, đó là đội quân bách chiến bách thắng^[43]. Vậy vì sao đội quân đó không thể triệt tiêu hoàn toàn lực lượng tàn dư của Nguyễn Ánh để gây thành hậu họa sau này?

Theo Giáo sư Nguyễn Phan Quang thì^[44]:

1. Thứ nhất, họ Nguyễn lúc ấy không được lòng dân chúng nhưng lại có được sự ủng hộ của một bộ phận lớn các địa chủ tại Nam Bộ. Do đó, khi lực lượng bố phòng của Tây Sơn ở lại không đủ mạnh, họ Nguyễn nhanh chóng lấy lại vùng này^[44].
2. Thứ hai, các nhà lãnh đạo Tây Sơn đã từng có thời điểm đánh giá chưa đúng thực lực của Nguyễn Ánh. Sau khi nghe tin Ánh giết tướng Đỗ Thanh Nhơn (Nhân) vì uy tín của Nhơn có phần lấn át Ánh, Nguyễn Nhạc cho rằng tướng soái của Nguyễn Ánh không có ai đáng ngại nữa. Sau này, khi đánh bật được Ánh ra khỏi lãnh thổ, nhất là sau khi chớp nhoáng đập tan quân Xiêm, sự đánh giá ấy càng trở nên chủ quan hơn^[44].
3. Thứ ba là sự chia rẽ trong nội bộ anh em Tây Sơn giữa Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ. Chính cuộc xung đột năm 1787 đã tạo điều kiện cho Nguyễn Ánh trở về lấy lại

Gia Đình. Lực lượng Tây Sơn ở đây đơn độc tại Nam Bộ không được sự tiếp viện cần thiết từ phía bắc nên đã không thể giữ được đất này. Sau khi cuộc xung đột của hai anh em chấm dứt, Nguyễn Huệ lại bộn bề với những biến cố tại Bắc Hà, Nguyễn Nhạc thì đã suy yếu lực lượng và suy nhược về tinh thần, không còn khả năng một mình tiến hành Nam chinh nữa. Cái chết của Nguyễn Lữ dù không ảnh hưởng quá nhiều đến nhà Tây Sơn (vì ảnh hưởng của ông cũng là ít nhất trong ba người) nhưng có lẽ càng khiến tinh thần Nam chinh của Nguyễn Nhạc thêm mòn đi. Điều đó lý giải vì sao Nguyễn Ánh có thể chắc chân tại Nam Bộ tạo cơ sở cho ông Bắc tiến sau này^[44].

Cùng với các nguyên nhân trên, còn những nguyên nhân khác dẫn đến sự sụp đổ của nhà Tây Sơn khiến lực lượng của Nguyễn Ánh chiến thắng lập nên nhà Nguyễn:

- Cái chết quá sớm của vua Quang Trung, người làm nên gần như tất cả các thành tựu của nhà Tây Sơn kể từ năm 1777, mà không có người thay thế xứng đáng. Quang Toàn quá nhỏ không có đủ uy tín và sự cứng cỏi nên không thể giành được sự ủng hộ của người dân ở Bắc Hà, mảnh đất vừa chính thức về tay nhà Tây Sơn không lâu. Việc sau này, lúc bị quân Nguyễn Ánh bắt, anh Toàn là Quang Thùy đã tự vẫn nhưng Toàn không dám chết cùng chứng tỏ Toàn không bằng Đoan Nam vương Trịnh Tông.
- Sự xung đột nghiêm trọng của hàng ngũ tướng lĩnh Tây Sơn. Tây Sơn có nhiều tướng tài, nhưng sau khi người lãnh đạo tối cao Nguyễn Huệ qua đời, dường như không ai chịu ai. Các tướng giỏi, ngoài Ngô Văn Sở, Lê Trung bị giết, còn có Ngô Thì Nhậm phải lánh đi ở ẩn và nguy hại hơn là Lê Chất chạy sang đầu hàng Nguyễn Ánh. Thực ra, việc ấu chúa lên ngôi mà triều đình vẫn phải thực hiện di mệnh đánh dẹp không phải là nhiệm vụ không thể thực hiện được, như trường hợp của vua Thuận Trị (Phúc Lâm) nhà Thanh. Khi Hoàng Thái Cực mất, Phúc Lâm còn nhỏ (và sau chết yếu) nhưng nhà Thanh vẫn tiến vào trung nguyên, hoàn thành việc chiếm Trung Quốc, diệt nhà Minh và Lý Tự Thành. Công việc nhờ vào tay nhiếp chính Đa Nhĩ Cổn. Bởi các tướng Tây Sơn không thể làm được như Chu công nhà Chu, lại bị người Pháp từ bên ngoài can thiệp giúp sức cho Nguyễn Ánh nên nhà Tây Sơn càng nhanh chóng sụp đổ.
- Một nguyên nhân khác, dù không phải là quan trọng nhất nhưng không thể không nói đến. Đó là lòng kiên trì kèm thêm may mắn của Nguyễn Ánh. Rõ ràng Ánh đã gặp may khi nhiều lần thoát nạn trước sự truy đuổi của Tây Sơn. Nhưng phải thừa nhận ông cũng là một người có lòng dũng cảm và ý chí bền bỉ không sòn, dù bị thua hết lần này đến lần khác, gặp rất nhiều hiểm nguy. Có thể nói tài năng quân sự của ông không bằng Nguyễn Huệ nhưng sau khi Nguyễn Huệ chết, không còn ai là đối thủ của ông. Có ý kiến nuối tiếc cho sự ra đi sớm của Nguyễn Huệ cho rằng việc Nguyễn Ánh "có số mệnh dài hơn và chết sau Nguyễn Huệ" là một nhân tố giúp ông giành thắng lợi sau cùng.

Theo Cao Tự Thanh, với việc tàn phá Cù lao Phố, sát hại hàng loạt người Hoa (vốn khá đông đảo ở Nam Bộ) nên theo nhà nghiên cứu Cao Tự Thanh thì trong suốt hơn 10 năm Tây Sơn vẫn không được đông đảo nhân dân miền Nam ủng hộ^[45]. Tuy nhiên, đây là ý kiến trên cơ sở các tài liệu của sử sách nhà Nguyễn, triều đại đối địch với nhà Tây Sơn. Theo ý kiến của một nhà nghiên cứu phương Tây hiện đại là Georges Dutton^[46] sự

khốn khổ của người dân trong thời nội chiến là tình trạng chung, ở các vùng miền, dưới các chính thể khác nhau - bất kể là Tây Sơn hay Nguyễn - trong những thời điểm nhất định^[47].

"...Những người dân đang sống dưới quyền kiểm soát chính trị của chính thể lực nhà Nguyễn ở sâu trong miền nam ... mong đợi được giải thoát khỏi họ. Đến cả Pigneau de Behaine (Bá Đa Lộc), ủng hộ viên người Âu nhiệt tình nhất của Nguyễn Ánh, vào năm 1791, cũng đề cập đến điều này, khi ông viết về tình cảnh ngày càng không chịu đựng nổi của những người dân Việt sống trong vùng nhà Nguyễn kiểm soát"

"... sau đó (khi họ Nguyễn lại kiểm soát Nam Bộ), hoàn cảnh sống của người dân dưới chính thể nhà Nguyễn vẫn chẳng hề được cải thiện; điều này được mô tả trong thư của một nhà truyền giáo người Pháp khác, rằng "hai năm vừa qua, mọi người đều phải đi làm việc công ích, và [người ta] không bận tâm với bất kì điều gì khác ngoài việc tìm cách để sống sót, đau khổ đã trở nên đến cực điểm".

Cũng theo Georges Dutton thì "việc hào quang hóa phong trào Tây Sơn trong trí tưởng tượng của dân chúng vào thế kỷ 19... Khả năng cách nhìn ưu ái dành cho phong trào và chính thể Tây Sơn có thể là sản phẩm của mối ác cảm dân chúng dành cho nhà Nguyễn, cũng nhiều bằng khả năng đó chính là ký ức tập thể thật sự về nhà Tây Sơn"^[48].

Dù sao đi nữa, tên tuổi Tây Sơn còn ghi mãi trong lịch sử, dù đây là một trong những triều đại ngắn nhất trong lịch sử Việt Nam.

Dư âm



Giếng nước của gia đình Tây Sơn Tam Kiệt (Bảo tàng Quang Trung, Bình Định, Việt Nam).

Dù Tây Sơn mất nhưng còn nhiều ảnh hưởng về sau, chẳng những trong nhân dân mà ngay cả với nhà Nguyễn. Theo sách "Truyện cũ cố đô" của Nguyễn Đắc Xuân, vào đời cháu nội của Nguyễn Phúc Ánh là Nguyễn Phúc Miên Tông làm vua, tức là Thiệu Trị (1841-1847), có sứ giả nhà Thanh đến. Vốn là người hay chữ, Thiệu Trị ra vế đối cho hai hoàng tử là Nguyễn Phúc Hồng Bảo và Nguyễn Phúc Hồng Nhậm (sau là vua Tự Đức) rằng:

Bắc sứ lai triều

Không cần suy nghĩ, Hồng Bảo đọc ngay:

Tây Sơn phục quốc

Về đối về chữ nghĩa thì thật chính không thể bắt bẻ nhưng về nội dung thì thật "phản nghịch". Thiệu Trị nghe như sét đánh ngang tai, chỉ mặt Hồng Bảo mắng:

"Tây Sơn mà phục quốc thì còn đâu ngai vàng cho mày nữa!"

Sau đó một phần vì việc này mà Thiệu Trị truất ngôi con trưởng của Hồng Bảo, lập Hồng Nhậm làm thái tử, sau Nhậm trở thành vua Tự Đức.

Các danh tướng văn, võ nhà Tây Sơn

- Trương Văn Hiến
- Trần Quang Diệu
- Bùi Thị Xuân
- Võ Văn Dũng
- Đặng Tiến Đông
- Ngô Văn Sở
- Ngô Thì Nhậm
- Phan Văn Lân
- Phan Huy Ích
- Nguyễn Thiếp
- Bùi Dương Lịch
- Đặng Văn Long
- Đặng Xuân Bảo (Đô Đốc Bảo)
- Nguyễn Văn Tuyết (Đô Đốc Tuyết)
- Nguyễn Văn Lộc (Đô Đốc Lộc)
- Lê Trung
- Lê Văn Hưng
- Võ Đình Tú
- Lý Văn Bru
- Trương Văn Đa (Phò Mã)
- Vũ Văn Nhậm (Phò Mã)
- Nguyễn Văn Trị (phò mã)
- Lý Tài
- Tập Đình
- Trần Thiên Bảo
- Mạc Quan Phù

Chú thích

1. Xem Trung chi II họ Hồ Quỳnh Đồi và Tiểu chi Cụ Án, Trung chi 5
2. Việt Nam sử lược, Trần Trọng Kim, trang 70, (bản điện tử)
3. Khâm Định Việt Sử thông Giám Khương Mục, Quốc sử quán triều Nguyễn, bản điện tử, trang 294
4. SỰ NGHIỆP TÂY SƠN TRÊN ĐẤT BÌNH ĐỊNH Sở Khoa Học và Công Nghệ Bình Định 29-1-2008
5. Báo *Thể thao & Văn hoá* ngày 13/6/2008, tr 17 và Hội thảo về Tây Sơn - Nguyễn Huệ báo *Sài Gòn Giải phóng* ngày 6/6/2008
6. Đỗ Bang, sách đã dẫn, tr 11
7. Nguyễn Phan Quang, danh mục tham khảo, tr 209
8. Nguyễn Phan Quang, danh mục tham khảo, tr 210
9. Nguyễn Phan Quang, danh mục tham khảo, tr 211
10. Nguyễn Phan Quang, danh mục tham khảo, tr 212
11. Nguyễn Lương Bích - Phạm Ngọc Phụng, sách đã dẫn, tr 33

12. Sài Gòn năm xưa-Vương Hồng Sển PHẦN THỨ BA
13. Đỗ Mộng Khương; Nguyễn Ngọc Tỉnh & Đào Duy Anh (1964), tại Viện Sử học Việt Nam, Gia Định thành thông chí, Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục (xuất bản tháng 12 năm 1998), tr.9
14. Lịch sử Gia Định-Sài Gòn trước 1802-Cao Tự Thanh-NXB Tổng Hợp TpHCM p 101 2/2007
15. Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng - sách đã dẫn, tr 88
16. Tạ Trí Đại Trường, *Việt Nam thời Tây Sơn - Lịch sử nội chiến 1771-1802*, NXB Công an nhân dân, 2007, tr 142
17. Tạ Trí Đại Trường, *Việt Nam thời Tây Sơn - Lịch sử nội chiến 1771-1802*, NXB Công an nhân dân, 2007, tr 144
18. Ông biết Cầu mê bói toán nên sai người giả làm thầy tướng đến lừa Cầu rằng chỉ cần cầu cúng ở Chùa Thiên Mụ 7 ngày là qua được vận hạn. Cầu tin theo và không để ý gì đến tình hình ngoài mặt trận.
19. Chinh sai người gửi thư dụ hàng Thế, nhưng giả vờ gửi nhằm cho Cầu
20. Hoàng Lê nhất thống chí, tập 1, NXB Văn học (1987), tr 101-103
21. Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng - sách đã dẫn, tr 172-173
22. Nguyễn Lương Bích - Phạm Ngọc Phụng; sách đã dẫn, tr 177
23. Ngô Giáp Đậu, *Hoàng Việt Long hưng chí*, tr 386
24. Theo *Tìm hiểu thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ*, trích dẫn từ *Thánh vũ ký* của Ngụy Nguyên đời Thanh
25. Biên niên lịch sử cổ trung đại Việt Nam, NXB Khoa học xã hội Hà Nội, 1987, tr 392
26. Xem chi tiết bài Nguyễn Huệ
27. Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng, sách đã dẫn, tr 318-319
28. Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng, sách đã dẫn, tr 318
29. Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng, sách đã dẫn, tr 319
30. Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng, sách đã dẫn, tr 320
31. Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng, sách đã dẫn, tr 320
32. Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng, sách đã dẫn, tr 321, dẫn từ thư của Le Labousse ngày 16/6/1792
33. Tạ Trí Đại Trường, *Việt Nam thời Tây Sơn - Lịch sử nội chiến 1771-1802*, NXB Công an nhân dân, 2007, tr 258-259 (dẫn lại từ *Đại Nam thực lục*)
34. Chết trở thành danh tướng của nhà Nguyễn sau này
35. Có thuyết nói Vũ Văn Dũng trốn thoát và ẩn náu ở vùng Tây Nguyên, sống đến 90 tuổi, mất vào đời Thiệu Trị (1841-1847)
36. Quang Toàn bị 5 ngựa xé xác. Mộ của vua Thái Đức và vua Quang Trung bị quật lên, hài cốt bị giã thành bột nhồi vào thuốc súng và bắn đi, sọ dừa bị bỏ vào vò và giam trong ngục (Những người thương tiếc Tây Sơn vẫn gọi là "Ông Vò"). Bùi Thị Xuân và con gái bị voi giày, Trần Quang Diệu do thờ mẹ già 80 tuổi có hiếu nên chỉ bị chém đầu...
37. Nguyễn Phan Quang (2006), sách đã dẫn, tr 208 - 213
38. Vài nhận xét về thời Nguyễn-Những vấn đề văn hoá, xã hội thời Nguyễn, KHXH, 1992, tr.17
39. Dẫn theo Tạ Trí Đại Trường, tr 50
40. Những vấn đề Lịch sử triều Nguyễn-Tạp chí Xưa và Nay & NXB Văn Hóa Sài Gòn tr 336
41. Việt Sử Toàn Thư-Phạm Văn Sơn p392
42. Việt Sử Toàn Thư-Phạm Văn Sơn p392-393
43. Nguyễn Lương Bích - Phạm Ngọc Phụng, danh mục tham khảo, tr 346
44. ^{a b c d} Nguyễn Phan Quang, sách đã dẫn, tr 199-200
45. Lịch sử Gia Định-Sài Gòn trước 1802-Cao Tự Thanh-NXB Tổng Hợp TpHCM p 120-121 2/2007
46. Georges Dutton là Phó Giáo sư (*Assistant Professor*) khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Á châu, đồng thời là Giám đốc Chương trình Liên khoa Đông Nam Á Học của Đại học California tại Los Angeles (UCLA)
47. George Dutton (Nguyệt Cầm chuyển ngữ), *Xem xét lại thời Tây Sơn*, tạp chí Hợp Lưu, Số 82, Tháng 4-2005 và 5- 2005, tr.244.

48. GS George Dutton, khoa Ngôn ngữ và Văn hóa châu Á, Đại học California tại Los Angeles (UCLA), *Rethinking the Tây Sơn Era* (Nghĩ lại về thời Tây Sơn), Bài trình bày tại Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần 2, TP. HCM, 7/2004.
49. Dẫn tại: BBC Việt ngữ, Nhìn lại phong trào Tây Sơn, 31/12/2004

Tham khảo

- *Đại Nam thực lục*
- Ngô gia văn phái, *Hoàng Lê nhất thống chí*
- Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng, *Tìm hiểu thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ*, NXB Quân đội nhân dân, 1976
- Nguyễn Phan Quang, *Một số công trình sử học Việt Nam*, NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2006
- Ngô Giáp Đậu, *Hoàng Việt Long hưng chí*, trong *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 8B, NXB Văn học, 1995
- Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*
- Lịch sử nội chiến Việt Nam - Tạ Chí Đại Trường, NXB Công an nhân dân, 2007
- Đỗ Bang, *Những khám phá về Hoàng đế Quang Trung*, NXB Văn hóa thông tin, 2006